|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 2:**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP**  THƠ ĐƯỜNG LUẬT |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 2 *Thơ Đường luật:*

- Ôn tập cách đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật: biết phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ; nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,...

- Ôn tập về sửa các lỗi về trật tự từ trong bài viết, bài nói.

- Ôn tập cách viết và thực hành viết văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề từ các nội dung đã học hoặc vấn đề từ cuộc sống.

**2. Năng lực:**

- *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

- *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

* Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại.

- Yêu thích việc nghiên cứu.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 10 Cánh diều, tập 1.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

Phạm thị Phương Thảo- THPT Tân Trào -0346036292

**BUỔI 1**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 1 buổi sáng:**

* **Nhóm 1, 2: Nhóm Hoạ sĩ** (PP phòng tranh)

**Yêu cầu:** Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ phong cảnh làng quê Việt Nam qua thơ Nguyễn Khuyến. (Mỗi nhóm vẽ tối thiểu 3 bức tranh)

* **Nhóm 3, 4: Nhóm Phóng viên:**

**Yêu cầu:**

+ **Nhóm 1**: Làm video giới thiệu về các nhà thơ thời Đường nổi tiếng của Trung Quốc.

+ **Nhóm 2**: Làm video giới thiệu về các nhà thơ sáng tác thơ Nôm Đường luật nổi tiếng của Việt Nam.

Video cần cung cấp các thông tin khái quát về cuộc đời, sự nghiệp, một số sáng tác tiêu biểu của tác giả. Mỗi video nghiên cứu về tối thiểu 03 tác giả theo yêu cầu.

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 2 *Thơ Đường luật*.

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+*** Văn bản 1*: Cảm xúc mùa thu (Thu hứng,* bài 1- Đỗ Phủ*);*  *+* Văn bản 2*:* *Tự tình (*Bài 2 - Hồ Xuân Hương*)* |
| **Thực hành đọc hiểu:**  Văn bản *Câu ca mùa thu (Thu điếu -* Nguyễn Khuyến*)* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Sửa lỗi về trật tự từ |
| **Viết** | **Viết:** Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề |
| **Nghe** | **Nói và nghe:** Trình bàybáo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề |

**HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 2 *Thơ Đường luật*

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,

- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi củaGV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 2.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**1. Một số kiến thức chung về thể loại thơ Đường luật và thơ Nôm Đường luật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thơ Đường luật** | 1. Xuất xứ | Xuất hiện từ thời nhà Đường (Trung Quốc); hiện nay phổ biến ở các nước khu vực văn hoá Đông Á. |
| 2. Hình ảnh thơ | - Mang tính ước lệ, tượng trưng cao.  - Chứa đựng tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc, thân phận con người. |
| 3. Cách gieo vần | Thương gieo 1 vần (vần bằng):  - Thơ tứ tuyệt: gieo ở cuối các câu 1, 2, 4  - Thơ bát cú: gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 |
| 4. Nghệ thuật đối | Nghệ thuật đối khá đa dạng:  + Đối giữa các câu: thường đối ở hai câu thực và hai câu luận (thơ bát cú).  + Đối giữa 2 vế trong 1 câu (tiểu đối)  - Đối về từ, ngữ, các vế của câu trên với câu dưới hoặc giữa 2 cặp câu luận và thực.  - Đối ý: đối tương đồng và đối tương phản. |
| **Thơ Nôm Đường luật** | 1. Yếu tố tiếp thu | Mang tính quy phạm của thể thơ Đường luật về niêm, luật, vần, đối,... |
| 2. Yếu tố sáng tạo | Có những thay đổi về nhịp điệu câu thơ, tận dụng các phép đối; từ ngữ và hình ảnh mang bản sắc dân tộc. |
| **Chủ thế trữ tình** | 1. Khái niệm | - Là chủ thể phát ngôn, thường là tác giả hoặc người đại diện cho quan niệm thẩm mĩ và tư tưởng thời đại về một vấn đề nào đó trong cuộc sống.  - Đây là con người cảm xúc, suy tưởng trong tác phẩm nhưng không đồng nhất với tác giả. |
| 2. Phân loại | Hai dạng:  - Xuất hiện trực tiếp qua các đại từ nhân xưng *(tôi, anh, em, chúng ta, chúng tôi,...)*  - Chủ ngữ ẩn, không có ngôi (nhân danh cái chung, đại diện cho một bộ phận xã hội) |

**2. Cách đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật**

* Cần chú ý đặc điểm thể loại, văn tự, đề tài, chủ đề, không gian, thời gian và sự liên hệ giữa các câu thơ trong bài. Nếu là thơ bằng chữ Hán, trước khi đọc phần Dịch thơ cần đọc kĩ phần Dịch nghĩa để hiểu rõ ý các câu thơ. Chú ý đối sánh giữa phần phiên âm và phần dịch thơ.
* Hiểu được bài thơ là lời của ai; nói về điều gì; nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ (*nghệ thuật đối, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,…)*

Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 03 nhóm, mỗi nhóm hoàn thiện về một tác phẩm.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Chủ thể trữ tình** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| *Cảm xúc mùa thu (Thu hứng –* Đỗ Phủ*)* |  |  |  |
| *Tự tình (*bài 2 – Hồ Xuân Hương*)* |  |  |  |
| *Câu cá mùa thu (Thu điếu –* Nguyễn Khuyến*)* |  |  |  |

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

|  |
| --- |
| **ÔN TẬP: CẢM XÚC MÙA THU** (Thu hứng, bài 1 – Đỗ Phủ) |

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả Đỗ Phủ**

- Đỗ Phủ (712- 770), tự là Tử Mĩ, xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời ở huyện Củng- tỉnh Hà Nam (Trung Quốc).

- Con người và cuộc đời:

+ 7 tuổi làm thơ→ tài năng thiên bẩm.

+ Con đường công danh lận đận, không được trọng dụng.

+ Sống nghèo khổ, chết trong bệnh tật.

- Sự nghiệp thơ ca: hiện còn khoảng 1500 bài.

+ Nội dung:

. Phản ánh sinh động và chân xác bức tranh hiện thực xã hội đương thời → “thi sử”.

. Đồng cảm với nhân dân trong khổ nạn, chan chứa tình yêu nước và tư tưởng nhân đạo.

+ Nghệ thuật:

. Giọng thơ: trầm uất, nghẹn ngào.

. Đặc biệt thành công với thể luật thi.

→ Được mệnh danh là “thi thánh” (thánh thơ).

**2. Bài thơ Cảm xúc mùa thu (Thu hứng – bài 1)**

**a. Hoàn cảnh sáng tác**:

- Bài thơ được sáng tác vào năm 766, tại Quỳ Châu (thuộc đất Ba Thục, núi non hiểm trở).

- Nhà thơ cùng gia đình phải chạy loạn An Lộc Sơn, phải sống xa quê nhà.

**b. Xuất xứ**

+ Là tác phẩm mở đầu trong chùm thơ *Thu hứng* (8 bài).

+ Là cương lĩnh sáng tác của cả chùm thơ.

**c. Thể loại:** Thơ Đường luật, làm theo thể Thất ngôn bát cú.

**d. Bố cục**

- Phần 1 (4 câu đầu): Cảnh mùa thu

- Phần 2 (4 câu còn lại): Tình thu

**e. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**

**\*Giá trị nội dung:**

- Bài thơ vẽ nên bức tranh mùa thu hiu hắt, mang đặc trưng của núi rừng, sông nước Quỳ Châu.

- Đồng thời, bài thơ còn là bức tranh tâm trạng buồn lo của nhà thơ trong cảnh loạn li: nỗi lo cho đất nước, nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình.

**\*Giá trị nghệ thuật:**

- Tứ thơ trầm lắng, u uất

- Nghệ thuật đối rất chỉnh, bút pháp tả cảnh ngụ tình

- Ngôn ngữ hàm súc, nhiều tầng ý nghĩa.

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1 :**Bài thơ được ông làm khi nào?

A. Năm 760

B. Năm 764

C. Năm 766

D. Năm 769

**Đáp án C. Năm 766**

**Câu 2 :**Dòng nào sau đây không nói về Đỗ Phủ?

A. Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật.

B. Là nhà thơ hiện thực vĩ đại Trung Quốc.

C. Được người Trung Quốc gọi là “thi tiên”.

D. Giọng thơ trầm uất nghẹn ngào.

**Đáp án C.** Được người Trung Quốc gọi là “thi tiên”.

**Câu 3 :**Nội dung biểu đạt của hai câu thơ mở đầu là gì?

A. Cảnh chiều thu trong sáng, êm đềm.

B. Cảnh chiều thu tĩnh lặng, thanh bình.

C. Cảnh chiều thu hùng vĩ, khoáng đạt.

D. Cảnh chiều thu buồn bã, ảm đạm.

**Đáp án D.** Cảnh chiều thu buồn bã, ảm đạm.

**Câu 4 :**Hình ảnh ***cô chu*** (con thuyền lẻ loi) **không** gợi đến điều gì?

A. Cuộc đời lênh đênh, phiêu bạt của nhà thơ.

B. Ước vọng được trở về quê hương của tác giả.

C. Tâm trạng lẻ loi, cô đơn của tác giả.

D. Khát vọng lên đường, du ngoạn khắp nơi của tác giả.

**Đáp án D.** Khát vọng lên đường, du ngoạn khắp nơi của tác giả.

**Câu 5 :**Chon đáp án đúng nhất**:** Bài thơ ***Thu hứng*** gợi cho ta điều gì về tâm hồn nhà thơ Đỗ Phủ?

A. Tình yêu thiên nhiên.

B. Nỗi buồn về thời thế.

C. Nỗi buồn về thời thế và tình yêu quê hương sâu sắc.

D. Tình yêu quê hương.

**Đáp án B.** Nỗi buồn về thời thế và tình yêu quê hương sâu sắc.

**Câu 7 :**Bốn câu đầu và bốn câu sau trong bài ***Thu hứng*** có quan hệ với nhau như thế nào?

A. Bốn câu đầu tả cảnh thu, bốn câu sau tả tình thu.

B. Bốn câu đầu tả cảnh trên cao, bốn câu sau tả cảnh dưới thấp.

C. Bốn câu đầu tả xa, bốn câu sau tả gần.

D. Bốn câu đầu tả cảnh, bốn câu sau tả người.

**Đáp án A.** Bốn câu đầu tả cảnh thu, bốn câu sau tả tình thu.

**Câu 8 :**Cảm xúc tác giả trong hai câu luận của bài ***Thu hứng*** chủ yếu được gợi lên bởi điều gì?

A. Nỗi buồn vì chiến tranh loạn lạc.

B. Không thể trở về quê hương.

C. Sự nghèo khó.

D. Cuộc sống xa quê trong hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc.

**Đáp án D.** Cuộc sống xa quê trong hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc.

**Câu 9 :**Nghệ thuật nào được sử dụng trong hai câu kết?

A. Ước lệ tượng trưng

B. Tả cảnh ngụ tình

C. Ẩn dụ

D. So sánh

**Đáp án B.** Tả cảnh ngụ tình

**Câu 10 :**Nhà thơ Đỗ Phủ được mệnh danh là gì?

A. Thi tuyệt

B. Thi tiên

C. Thi thần

D. Thi thánh

**Đáp án D.** Thi thánh

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản: *“Cảm xúc mùa thu” – Đỗ Phủ và các đoạn ngữ liệu về thơ Đường luật ngoài SGK:*

**Đề số 01:**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Đỗ Phủ (712-770) tự là Tử Mĩ, quê huyện Củng, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời. Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật.*

*Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc, là doanh nhân văn hóa thế giới. Thơ Đỗ Phủ hiện còn khoảng 1500 bài, có nội dung rất phong phú và sâu sắc. Đó là những bức tranh hiện thực sinh động và chân xác đến mức được gọi là “thi sử” (lịch sử bằng thơ); đó cũng là niềm đồng cảm với nhân dân trong khổ nạn, chứa chan tình yêu nước và tinh thần nhân đạo. Giọng thơ Đỗ Phủ trầm uất, nghẹn ngào. Ông sành tất cả các thể thơ nhưng đặc biệt thành công ở thể luật thi. Với nhân cách cao thượng, tài năng nghệ thuật trác việt, Đỗ Phủ được người Trung Quốc gọi là "Thi Thánh".*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Thông tin “*Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật”* cho em hiểu điều gì về cuộc đời nhà thơ Đỗ Phủ?

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của văn bản trên.

**Câu 4.** Chỉ ra lỗi sai và nêu cách sửa cho đúng trong các câu sau: “*Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc, là doanh nhân văn hóa thế giới. Thơ Đỗ Phủ hiện còn khoản 1500 bài, có nội dung phong phú và sâu sắc*.”

**Câu 5.** Em hiểu thế nào là “Thi thánh”?Vì sao Đỗ Phủ lại được người Trung Quốc gọi là "Thi Thánh"?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về tình yêu nước của tuổi trẻ hôm nay.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh.

**Câu 2:** Thông tin “*Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật”* cho em thấy đồng cảm về cuộc đời bất hạnh của nhà thơ vĩ đại Đỗ Phủ. Ông là nhà thơ có tấm lòng nhân đạo cao cả nhưng cả cuộc đời phải chịu nhiều khổ đau, mất mát, thiếu thốn.

**Câu 3:**

Nêu nội dung chính của văn bản: Khái quát tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Đỗ Phủ.

**Câu 4:**

* Lỗi sai: Dùng từ chưa đúng nghĩa “*doanh nhân*”
* Sửa lại: *danh nhân* (chỉ những người nổi tiếng trên thế giới, những nhân vật có đóng góp xuất sắc không chỉ cho sự nghiệp phát triển văn hoá của một dân tộc mà còn của cả nhân loại)

**Câu 5:**

* “Thi thánh”: Người lỗi lạc nhất trong làng thơ.
* Đỗ Phủ được người Trung Quốc gọi là "Thi thánh" bởi nhân cách cao thượng, tài năng nghệ thuật trác việt của nhà thơ.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** HS bày tỏ được suy nghĩ về lòng yêu nước của tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay. Cụ thể: Lòng yêu nước là gì? Ý nghĩa của lòng yêu nước? Phê phán thái độ thờ ơ với đất nước của một bộ phận giới trẻ. Rút ra bài học nhận thức và hành động dành cho tuổi trẻ.

**Đề số 02:**  **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Lác đác rừng phong(1) hạt móc sa, Ngàn non hiu hắt, khí thu lòa.Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,Mặt đất mây đùn cửa ải xa.Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,,Con thuyền buộc chặt mối tình nhà(2).Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,Thành Bạch(3), chày vang bóng ác tà(4)  
 (Cảm xúc mùa thu(5), Đỗ Phủ - NGUYỄN CÔNG TRỨ dịch, Thơ Đường, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

**Chú giải:**

1. *Phong*: một loại cây có nhiều ở vùng ôn đới, về mùa thu lá chuyển sang màu đỏ úa.
2. Hai câu thơ 3 – 4 bản nguyên tác là:

*“Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,*

*Cô chu nhất hệ cố viên tâm.”*

(Khóm cúc nở hoa đã hai lần (làm) tuôn rơi nước mắt ngày trước

Con thuyền lẻ loi buộc mãi tấm lòng nhớ nơi vườn cũ)

1. *Thành Bạch,* tức thành Bạch Đế: thành cổ xây trên núi Bạch Đế, nay thuộc huyện Phụng Tiết, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.
2. *Chày vang bóng ác tà:* chỉ tiếng chày đập áo lúc xế chiều, khi mặt trời sắp lặn. Người Trung Quốc xưa giặt áo, giặt vải thường dày và cứng bằng cách đặt lên một tảng đá lớn rồi dùng chày mà đập. Khi trời trở rét, nơi nơi sắm sửa may áo ấm và giặt giũ để chuẩn bị đón mùa đông và gửi tới người thân nơi biên ải. Bởi vậy, trong thơ cổ, tiếng chày đập áo trong bóng chiều tà trở thành âm thanh đặc trưng của mùa thu, gợi nỗi buồn thương nhớ cho kẻ tha hương.
3. Đây là bài thơ thứ nhất trong chùm thơ “*Thu hứng*” gồm 8 bài của nhà thơ Đỗ Phủ. Bài thơ được sáng tác năm 766 khi nhà thơ đang ngụ cư tại Quỳ Châu (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên). Đây là giai đoạn Đỗ Phủ cùng gia đình phải chạy loạn An Lộc Sơn, phải sống xa quê nhà.

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của văn bản.

**Câu 2.** Cảnh thiên nhiên mùa thu được gợi lên qua những hình ảnh nào ở 4 câu thơ đầu?

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,Mặt đất mây đùn cửa ải xa

**Câu 4.** Nhận xét sự thay đổi tầm nhìn từ bốn câu đầu đến bốn câu sau. Vì sao có sự thay đổi ấy?  
**Câu 5**. Hai câu thơ sau giúp anh/chị hiểu gì về tâm trạng của nhân vật trữ tình khi ở cách xa  
quê hương?

Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn ( 7 - 10 dòng) nói lên suy nghĩ về tình cảm của Đỗ Phủ với quê hương được thể hiện trong bài thơ. Phải chăng đó chỉ là tâm sự của riêng tác giả?

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2:** Cảnh thiên nhiên mùa thu được gợi lên qua những hình ảnh ở 4 câu thơ đầu:

Sương móc ở rừng phong – khí thu hiu hắt nơi núi cao - sóng ở lòng sông - mây đùn cửa ải.

**Câu 3:**

**-** Nghệ thuật đối kết hợp đối lập:

*Sóng dưới lòng sông vọt lên lưng trời – Mây nơi cửa ải sà xuống mặt đất*

- Tác dụng của biện pháp tu từ:

+ Nêu bật sự vận động mạnh mẽ, dữ dội của thiên nhiên vùng rừng núi vào mùa thu.

+ Phần nào ẩn chứa nỗi lo lắng, bất an của tác giả cho tình cảnh của đất nước.

+ Làm cho cách diễn đạt sinh động, ấn tượng hơn.

**Câu 4:**

- Điểm nhìn của tác giả: từ xa lại gần, thu hẹp dần (từ khung cảnh chung của thiên nhiên đến các sự vật cụ thể gắn bó với riêng tác giả, ở gần tác giả).

- Do sự vận động của thời gian về chiều muộn, ngày tàn, sự nhạt dần của ánh sáng khiến tầm nhìn bị thu hẹp.

**Câu 5:** Tâm trạng của tác giả thể hiện qua hai câu thơ là:

* Hình ảnh *khóm cúc* là biểu tượng cho nỗi buồn đau dằng dặc, thường trực của tác giả. Đó là sự chất chồng của nỗi xót xa cho thân phận tha hương trôi nổi và nỗi nhớ quê hương da diết.
* "*Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*": mối buộc của con thuyền lại gắn kết với nỗi nhớ nơi vườn cũ (quê hương)

=> Hai câu thơ cho thấy nỗi nhớ quê hương, sự gắn bó sâu nặng với quê nhà của nhà thơ trong tình cảnh tha hương chạy loạn.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  
**- Hình thức**: Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy.  
**- Nội dung**: suy nghĩ về tình cảm của Đỗ Phủ với quê hương được thể hiện trong bài thơ.

**Gợi ý**

Bài thơ “Cảm xúc mùa thu” (Thu hứng) của Đỗ Phủ đã thể hiện rõ nỗi lòng của nhà thơ dành cho quê hương khi gia đình phải chạy loạn, phải sống xa quê nhà. Trong hoàn cảnh xa quê, chứng kiến 2 lần mùa thu đến trên đất người, nhìn cảnh vật mà thi nhân nhớ quê da diết. Tâm trạng, buồn thương đó được gửi gắm vào cảnh vật qua bút pháp tả cảnh ngụ tình độc đáo. Nhà thơ nhìn hoa nhìn hoa cúc nở nhớ về những mùa thu ở quê hương mà lòng u sầu, nghẹn ngào. Giọt nước mắt trong bài thơ rất khó phân biệt lệ của người hay của hoa. Con thuyền cô độc trôi nổi, lưu lạc là phương tiện nhà thơ gửi gắm ước nguyện về quê; con thuyền đã buộc chặt nỗi lòng con người với quê nhà thơ là nỗi lòng riêng tư của Đỗ Phủ nhưng cũng chan chứa tâm sự yêu nước, thương đời; đó cũng là nỗi lòng chung của biết bao người trong thời buổi loạn li đã được gửi gắm qua nghệ thuật thơ Đường đạt tới trình độ mẫu mực.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU THƠ ĐƯỜNG LUẬT NGOÀI SGK**

**Đề số 03:**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng**

(*Hoàng Hạc lâu(1) tống Mạnh Hạo Nhiên(2) chi Quảng Lăng(3)*)

***Phiên âm:***

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,  
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.  
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,  
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

***Dịch nghĩa:***

Bạn cũ giã từ tại lầu Hoàng Hạc, ở phía tây,

Xuôi về Dương Châu giữa tháng ba, mùa hoa khói.

Bóng cánh buồm lẻ loi xa dần, mất hút vào khoảng không xanh biếc,

***Dịch thơ:***

*Bạn từ lầu Hạc lên đường*

*Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng*

*Bóng buồm đã khuất bầu không,*

*Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.*

LÍ BẠCH(4)

(NGÔ TẤT TỐ dịch, Thơ Đường, tập II, NXB Văn Học, Hà Nội, 1987)  
**Chú giải:**

1. *Hoàng Hạc lâu* (lầu Hoàng Hạc): một thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc nằm trên mỏm Hoàng Hạc Cơ, núi Hoàng Hạc, bên sông Trường Giang, huyện Vũ Xương, nay thuộc thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc.
2. *Mạnh Hạo Nhiên* (689 – 740): một nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc thời Đường. Mạnh Hạo Nhiên hơn Lí Bạch 12 tuổi, nhưng họ vẫn là đôi bạn văn chương rất thân thiết.
3. *Quảng Lăng*: tên một quận, thủ phủ là Dương Châu, đô thị phồn hoa vào bậc nhất thời Đường, nay là thành phố Dương Châu, tỉnh Giang Tô.
4. *Lí Bạch* (701-762): nhà thơ lãng mạn vĩ đại của Trung Quốc, được người Trung Quốc gọi là “Thi tiên”. Thơ ông có sự thống nhất giữa cái cao cả và cái đẹp.

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính; thể thơ ở phần phiên âm và dịch thơ.

**Câu 2.** Chỉ ra thời gian và địa điểm chia tay giữa hai nhà thơ Lí Bạch và Mạnh Hạo Nhiên**.**

**Câu 3.** Từ *cố nhân* mà bản dịch thơ dịch là *bạn* có nói hết được ý nghĩa của từ *cố nhân* chưa? Vì sao?

**Câu 4.** Anh/ chị hiểu như thế nào về hình ảnh “Yên hoa tam nguyệt”?

**Câu 5.** Phân tích sự chuyển động của cánh buồm trong câu thơ thứ 3. Hình ảnh cho thấy tâm trạng gì của nhà thơ Lí Bạch?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn ( 7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của tình bạn trong cuộc sống hôm nay?

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:**

* Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm
* Thể thơ: Bản phiên âm theo thể thất ngôn tứ tuyệt; bản dịch thơ theo thể thơ lục bát.

**Câu 2:**

- Thời gian: tháng ba mùa xuân

- Địa điểm: phía tây lầu Hoàng Hạc – một thắng cảnh của Trung Quốc

**Câu 3:**

Từ *cố nhân* mà dịch là *bạn* chưa nói hết ý nghĩa của từ *cố nhân* . Bởi lẽ, *cố nhân* là người bạn gắn bó, thân thiết từ xưa, cho dù thời gian có đi qua. Buổi chia tay nhờ có hai tiếng *cố nhân* ấy mà đắm chìm trong sự thiết tha, quyến luyến. Còn chữ *bạn* chỉ gợi tình bạn bình thường.

**Câu 4:**

* Hình ảnh *yên hoa tam nguyệt* chỉ hình ảnh sương mù, khói sóng trên sông tụ lại như hoa.
* Hình ảnh cho thấy vẻ đẹp mĩ lệ, thi vị, mờ ảo của sông nước Trường Giang độ cuối xuân

**Câu 5:**

- Sự chuyển động của cánh buồm: cánh buồm lẻ loi 🡪 xa dần🡪 mất hút vào khoảng không xanh biếc

- Sự chuyển động của cánh buồm cho thấy ánh nhìn dõi theo của nhà thơ đối với con thuyền đưa bạn đi xa. Cái nhìn tinh tế cho thấy tình cảm lưu luyến của nhà thơ, nỗi nhớ mong theo cả hành trình dài của bạn.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

* Ý nghĩa của tình bạn :

+ Tình bạn giúp ta bồ đắp tâm hồn, hoàn thiện nhân cách.

+ Nhờ tình bạn, ta trưởng thành hơn, giàu nghị lực hơn trong cuộc sống

+ Tình bạn giúp ta cảm thấy cuộc sống trở nên vô cùng ý nghĩa, hạnh phúc hơn.

* Khẳng định tình bạn là tình cảm thiêng liêng không thể thiếu trong cuộc đời mỗi con người; rút ra bài học cho bản thân để xây dựng một tình bạn đẹp, vững bền.

**Đề số 04:**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**NỖI OÁN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ(1)**

(*Khuê oán*) - Vương Xương Linh

***Phiên âm:***

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,

Xuân nhật ngưng trang thướng thúy lâu.

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,

Hối giao phu tế mịch phong hầu.

***Dịch nghĩa:***

Người đàn bà trẻ nơi phòng khuê không biết buồn,

Ngày xuân trang điểm lộng lẫy, bước lên lầu đẹp,

Chợt thấy sắc [xuân] của cây dương liễu(2) đầu đường,

Hối hận đã để chồng đi [tòng quân lập công, làm quan] kiếm tước hầu(3)!

***Dịch thơ :***

Thiếu phụ phòng khuê chẳng biết sầu,

Ngày xuân chải chuốt, bước lên lầu.

Đầu đường chợt thấy màu dương liễu,

Hối để chàng đi kiếm tước hầu.

NGUYỄN KHẮC PHI dịch

(Có tham khảo bản dịch của TRẦN TRỌNG SAN,

*Thơ Đường*, quyển I, Bắc Đẩu, Sài Gòn, 1966)

**Chú giải:**

1. *Phòng khuê:* phòng của phụ nữ quý tộc ngày xưa, cũng dùng để chỉ phòng của phụ nữ nói chung.
2. *Màu dương liễu*: Màu của mùa xuân và tuổi trẻ, gợi lên khát vọng hạnh phúc. Ở đây, người thiếu phụ thấy màu dương liễu mà nhớ đến người chồng đang ra trận để “kiếm tước hầu”.
3. *Kiếm tước hầu:* thời phong kiến, bề tôi lập được công lớn (thường là chiến công) thì được vua phong tước hầu. Ở đây, người chồng đi tìm kiếm tước hầu có nghĩa là đi ra trận lập công để được phong tước hầu. *Khuê oán* được sáng tác vào thời thịnh vượng của nhà Đường, các cuộc chiến tranh phần lớn là để mở mang bờ cõi**.**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

**Câu 2.** Người thiếu phụ trong bài thơ đang ở trong hoàn cảnh cụ thể nào?

**Câu 3.** Người thiếu phụ có tâm trạng, hành động gì trong hai câu đầu?

**Câu 4.** Hình ảnh dương liễu có ý nghĩa gì?

**Câu 5.** Sau khi nhìn thấý *màu dương liễu*, người thiếu phụ có sự chuyển biến tâm trạng như thế nào ở câu 3 và câu 4? Lí giải sự chuyển biến tâm trạng đó.

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (3 – 5 câu) bày tỏ suy nghĩ về giá trị nhân đạo của bài thơ.

**Câu 7**. Em có liên hệ bài thơ của Vương Xương Linh với những tác phẩm nào của văn học trung đại Việt Nam?

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:** Hoàn cảnh cụ thể của người thiếu phụ: đang phải xa chồng (chồng nàng đang ra trận)

**Câu 3:**

- Tâm trạng: “bất tri sầu” – không biết buồn, vô tư, vui tươi, hi vọng chồng nàng sẽ vẻ vang trở về và được ban tước hầu.

- Hành động: trang điểm lộng lẫy, bước lên lầu cao ngắm cảnh (đây là nếp sinh hoạt của người phụ nữ quý tộc, trẻ trung, xinh đẹp).

**Câu 4:** Hình ảnh dương liễu: biểu tượng cho mùa xuân, tuổi trẻ, gợi lên khát vọng hạnh phúc, gợi lên bao liên tưởng và xúc cảm, hồi ức về người chồng.

**Câu 5:** Sau khi nhìn thấý *màu dương liễu*, người thiếu phụ có sự chuyển biến tâm trạng ở câu 3 và câu 4:

- Diễn biến tâm trạng: từ *bất tri sầu* (không biết buồn -câu 1) –-> *hốt* (giật mình, bừng tỉnh – câu 3) 🡪h*ối* (hối hận, tiếc nuối) – oán sầu.

- Lí giải: Màu dương liễu đã đánh thức khát khao hạnh phúc và cả ý thức về sự biệt li ở người thiếu phụ. Người thiếu phụ giật mình bừng thức, thoát ra khỏi giấc mộng công hầu, để nhận thức về sự trôi chảy của tuổi xuân, sự hữu hạn của đời người, nhất là tuổi trẻ. Càng ý thức khát khao hạnh phúc thì giấc mơ công hầu càng trở nên bé nhỏ, vô nghĩa.

**Câu 6.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:** Giá trị nhân đạo của bài thơ:

- Đồng cảm với khát vọng hạnh phúc lứa đôi của con người trong xã hội phong kiến.

- Tố cáo, lên án, phản đối chiến tranh phi nghĩa của con người thời Đường.

**Câu 7**. Liên hệ với những tác phẩm của VHTĐVN cùng chủ đề tố cáo chiến tranh phi nghĩa:

*- Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)

*- Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)

- …

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đề bài:** Phân tích bài thơ “Cảm xúc mùa thu” (Thu hứng – bài 1) của Đỗ Phủ.

**Gợi ý dàn ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả Đỗ Phủ: Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc với những vần thơ phản ánh hiện thực và bày tỏ cảm xúc, thái độ, tâm trạng đau khổ trước hiện thực đời sống của nhân dân trong chiến tranh, trong nạn đói, chan chứa tình yêu nước và tinh thần nhân đạo.

- Giới thiệu về bài thơ “Cảm xúc mùa thu”: *Cảm xúc màu thu* là bài thơ đầu tiên trong chòm 8 bài thơ “Thu hứng” của Đỗ Phủ thể hiện nỗi lòng của nhà thơ với quê hương, đất nước.

**2. Thân bài**

***2.1.    Bốn câu thơ đầu: Cảnh thu***

***a. Hai câu đề (Câu 1 và 2)***

- Hình ảnh *ngọc lộ, phong* thụ lâm: là những hình ảnh quen thuộc của mùa thu Trung Quốc.

+ “Ngọc lộ: Miêu tả hạt sương móc trắng xóa, dầy đặc làm tiêu điều, hoang vu cả một rừng phong. Bản dịch thơ dịch thanh thoát nhưng chưa truyền tải đầy đủ nội dung, ý nghĩa thần thái của nguyên tác.

+ “Phong thụ lâm”: hình ảnh thường được dùng để tả cảnh sắc mùa thu và nỗi sầu li biệt  
 - “Núi Vu, kẽm Vu”: Là hai địa danh cụ thể ở Trung Quốc, vào mùa thu khí trời âm u, mù mịt. Bản dịch thơ là “ngàn non”: Đánh mất hai địa danh cụ thể lại không diễn tả được hết không khí của mùa thu.

- “Khí tiêu sâm”: Hơi thu hiu hắt, ảm đạm

→ Không gian thiên nhiên vừa có chiều cao vừa có chiều rộng và chiều sâu, không gian lạnh lẽo xơ xác, tiêu điều, ảm đạm.

→ Diễn tả cảm xúc buồn, cô đơn, lạnh lẽo của tác giả.

***b. Hai câu thực (Câu 3 và 4)***

- Điểm nhìn từ lòng sông đến miền quan ải, không gian được nới theo ba chiều rộng, cao và xa:

+ Tầng xa: là ở giữa dòng sông thăm thẳm là “sóng vọt lên tận lưng trời”

+ Tầng cao: là miền quan ải với hình ảnh mây sa sầm giáp mặt đất.

+ Tầng rộng: mặt đất, bầu trời, dòng sông đều cho ta hình dung về không gian rộng lớn.

- Hình ảnh đối lập, phóng đại: sóng – vọt lên tận trời (thấp – cao), mây – sa sầm xuống mặt đất (cao – thấp)

→ Sự vận động trái chiều của những hình ảnh không gian kì vĩ, tráng lệ.

→ Tâm trạng con người ngột ngạt, bí bách, bất an.

⇒ Bốn câu thơ vẽ lên bức tranh mùa thu xơ xác, tiêu điều, mênh mông, rợn ngợp, cảnh vật thiên nhiên như chao đảo. Đó phải chăng cũng là bức tranh của xã hội Trung Quốc đương thời loạn lạc bất an, chao đảo?

⇒ Tâm trạng buồn, cô đơn, bất an, lo lắng của tác giả trước thời cuộc.

***2.2    Bốn câu thơ sau: Tình thu***

***a. Hai câu luận (Câu 5 và 6)***

- Hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ:

+ Khóm cúc nở hoa – tuôn dòng lệ: Có hai cách hiểu khóm cúc nở ra làm rơi giọt nước mắt, khóm cúc nở ra giọt nước mắt.

→ Dù hiểu theo cách nào cùng thấy được tâm sự buồn của tác giả.

+ *Cô chu* – con thuyền cô độc

→ Hình ảnh gợi sự trôi nổi, lưu lạc của con người. Đây là phương tiện để nhà thơ gửi gắm khát vọng về quê.

- Từ ngữ:

+ “Lưỡng khai”: Nỗi buồn lưu cữu, trải dài từ quá khứ đến hiện tại

+ “Nhất hệ”: Dây buộc thuyền cũng là sợi dây buộc mối tình nhà của tác giả.  
 + “Cố viên tâm”: Tấm lòng hướng về quê cũ. Thân phận của kẻ tha hương, li hương luôn khiến lòng nhà thơ thắt lại vì nỗi nhớ quê (Lạc Dương), nhớ nước (Trường An – kinh đô nhà Đường).

- Sự đồng nhất giữa các sự vật, hiện tượng:

+ Tình – cảnh: Nhìn cúc nở hoa mà lòng buồn tuôn giọt lệ;

+ Quá khứ hiện tại: Hoa cúc nở hai lần năm ngoái – năm nay mà không thay đổi;

+ Sự vật – con người: Sợi dây buộc thuyền cũng là sợi dây buộc chặt tâm hồn người.

→ Hai câu thơ đặc tả nỗi lòng đau buồn, tha thiết, dồn nén vì nỗi nhớ quê không thể giải tỏa của nhà thơ.

***b. Hai câu kết (Câu 7 và 8)***

- Hình ảnh

+ Mọi người nhộn nhịp may áo rét

+ Giặt quần áo chuẩn bị cho mùa đông tới

→ Không khí chuẩn bị cho mùa đông, gấp gáp, thúc giục.

- Âm thanh: Tiếng chày đập vải

→ Âm thanh báo hiệu mùa đông sắp đến, đồng thời diễn tả sự thổn thức, ngổn ngang, mong chờ ngày về quê của tác giả.

⇒ Bốn câu thơ khắc sâu tâm trạng buồn, cô đơn, lẻ loi, trầm lắng, u sầu vì nỗi mong nhớ trở về quê hương.

***2.3. Nghệ thuật***

- Tứ thơ trầm lắng, u uất;

- Lời thơ buồn, thấm đẫm tâm trạng, câu chữ tinh luyện;

- Bút pháp đối lập, tả cảnh ngụ tình;

- Ngôn ngữ ước lệ nhiều tầng ý nghĩa.

***2.4. Liên hệ, mở rộng***: Cảm thức quê nhà trong thơ Đường vô cùng phổ biến và đặc sắc: Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh(Lí bạch), *Hoàng Hạc lâu* (Thôi Hiệu).

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ.

- Bày tỏ suy nghĩ bản thân.

- **Ví dụ:** Bài thơ không chỉ vẽ nên một bức tranh thu giàu chất gợi hình mà còn gợi lên cả trong ta một nỗi niềm sâu kín. Nỗi lo âu thế sự, nỗi nhớ quê hương cùng nỗi đơn côi lạc lõng đã được thể hiện thật tài tình trong bài thơ. Chính với ngòi tinh tế và cảm xúc sâu sắc đong đầy, Đỗ Phủ và bài thơ "Thu hứng" sẽ mãi giữ được một vị trí quan trọng trong nền thi ca Trung Quốc.

**BUỔI 2:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: TỰ TÌNH** (bài 2) – Hồ Xuân Hương

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả Hồ Xuân Hương**

***a. Cuộc đời***

- Chưa xác định được năm sinh, năm mất.

- Sống vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.

- Quê quán: Làng Quỳnh Đôi - huyện Quỳnh Lưu -tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.

- Hoàn cảnh xuất thân: trong một gia đình nhà nho nghèo, cha làm nghề dạy học.

- HXH là thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời gập nhiều bất hạnh.

***b. Sự nghiệp sáng tác***

- Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm nhưng thành công ở chữ Nôm.

- Thơ HXH là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài,cảm hứng ngôn từ và hình tượng.

- Phong cách thơ vừa thanh vừa tục.

→ Được mệnh danh là “ *bà chúa thơ Nôm”*.

**2. Bài thơ "Tự tình”**

**a. Xuất xứ**: Bài thơ thứ 2 trong chùm 3 bài “Tự tình”

**b. Thể loại:** Thơ Nôm đường luật, viết theo thể thất ngôn bát cú.

**c. Chủ thể trữ tình:** Bài thơ là lời tâm sự của người phụ nữ về nỗi đau trước tình duyên éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc. Tâm trạng của nhân vật trữ tình được bộc lộ qua cách cảm nhận không gian, thời gian, cảnh vật. Ngoại cảnh cũng là tâm cảnh.

**d. Nhan đề** “Tự tình”: bày tỏ tâm trạng, cảm xúc, tình cảm của người viết .

**e. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**\*Giá trị nghệ thuật:**

- Từ ngữ, hình ảnh giản dị,nhưng giàu sức biểu cảm, táo bạo, in đậm cá tinh sáng tạo của nữ sĩ.

- Việt hóa thơ Đường mang nét dân gian – dân tộc theo phong cách riêng của HXH.

**\*Giá trị nội dung:**

- Bài thơ Tự tình (II) thể hiện tâm trạng, thái độ của HXH: vừa đau buồn, vừa phẫn uất trước duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch.

- Bài thơ cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nữ sĩ.

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM: Chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1:** Hồ Xuân Hương từng được mệnh danh là gì?

A. Bà Chúa Thơ Nôm

B. Nữ sĩ thơ Nôm

C. Hồng Hà nữ sĩ

D. Bạch Vân cư sĩ

**Đáp án A**

**Câu 2:** Đối tượng thường được đề cập đến nhiều nhất trong thơ Hồ Xuân Hương là ai?

A. Thầy tu hư hỏng

B. Người phụ nữ không hạnh phúc

C. Lũ học trò dốt

D. Người nông dân

**Đáp án B**

**Câu 3:** Nhận định nào dưới đây nói lên đặc điểm nổi bật nhất trong sáng tác của Hồ Xuân Hương?

A. Khai thác triệt để về đề tài tình yêu đôi lứa.

B. Nỗi buồn đau về kiếp người bị bóc lột dưới chế độ phong kiến.

C. Bất mãn sâu sắc với chế độ phong kiến nên giọng thơ của bà thường khinh bạc.

D. Nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.

**Đáp án D**

**Câu 4:** Tự tình II thuộc thể thơ nào sau đây?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Cổ phong

D. Thất ngôn trường thiên

**Đáp án B**

**Câu 5:** Nội dung chính của 4 câu thơ đầu bài thơ *Tự tình II* là:

A. Thể hiện nỗi lòng cô đơn, buồn tủi, khát vọng hạnh phúc

B. Quy luật khắc nghiệt của thời gian và tuổi trẻ

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**Đáp án A**

**Câu 6:**  Đán án nào dưới đây **không** thể hiện nội dung đúng về *Tự tìnhII*:

A. Thể hiện tâm trạng, thái độ của Xuân Hương vừa đau buồn, vừa phẫn uất trước duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch.

B. Người phụ nữ luôn khao khát hạnh phúc, muốn cưỡng lại sự nghiệt ngã do con người tạo ra

C. Sự cam chịu cuộc sống, kiếp lẽ mọn của Hồ Xuân Hương

D. Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương

**Đáp án C**

**Câu 7:** Anh/ chị có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Tự tình II*?

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Nhiều hình ảnh ước lệ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

**Đáp án D**

**Câu 8:** Câu thơ “*Trơ cái hồng nhan với nước non*” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. Đảo ngữ

B. Nhân hóa

C. So sánh

D. Hoán dụ

**Đáp án A**

**Câu 9**. Câu thơ “*Mảnh tình san sẻ tí con con*” sử dụng nghệ thuật đặc sắc nào?

A. Hoán dụ

B. Nhân hóa

C. Phóng đại

D. Nghệ thuật tăng tiến

**Đáp án D**

**Câu 10:** Đọc bài thơ *Tự tình II*, anh (chị) nhận thấy khát vọng gì của nữ sĩ Hồ Xuân Hương?

A. Khát vọng công danh, sự nghiệp

B. Khát vọng hạnh phúc lứa đôi

C. Khát vọng cuộc sống ấm no, hạnh phúc

D. Khát vọng sống, khát vọng tình duyên trọn vẹn, khát vọng hạnh phúc

**Đáp án D**

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**TỰ TÌNH (bài 2)**

Đêm khuya văng vẳng trống canh(1) dồn,

Trơ cái hồng nhan(2) với nước non.

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại.

Mảnh tình san sẻ tí con con!

HỒ XUÂN HƯƠNG

(Thơ Hồ Xuân Hương, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

**Chú giải:**

1. Canh: một khoảng thời gian trong đêm (một đêm chia ra làm năm canh)
2. Hồng nhan: má hồng, chỉ người phụ nữ.

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của văn bản trên.

**Câu 2**. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Nhân vật trữ tinh xuất hiện trong không gian và thời gian như thế nào?

**Câu 3.** Em hiểu gì về nhan đề bài thơ?

**Câu 4**. Nghĩa của từ “trơ” trong câu thơ “*Trơ cái hồng nhan với nước non*” là gì?

**Câu 5**. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

   Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn

**Câu 6.** Hãy liệt kê một số tác phẩm khác cùng viết về thân phận người phụ nữ mà em đã được học?

**Câu 7.** Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nhận của em về tâm trạng của người phụ nữ trong hai câu thơ cuối bài thơ.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

**-** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật thơ Nôm

**Câu 2:**

- Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người phụ nữ (nữ sĩ Hồ Xuân Hương).

- Người phụ nữ xuất hiện trong không gian vắng lặng, thời gian đêm khuya.

**Câu 3:** Ý nghĩa nhan đề của bài thơ:

Nhan đề “Tự tình”: tự bộc lộ tâm tình của mình. Ở đây nữ sĩ Hồ Xuân Hương tự đối diện với chính mình để tự vấn, xót thương.

**Câu 4:** Nghĩa của từ “Trơ” trong câu thơ thứ hai:

* Sự trơ trọi, cô đơn, có gì như vô duyên, bẽ bàng, rât đáng thương.
* Đó còn là sự bền gan , thách thức, sự kiên cường, bản lĩnh của nữ sĩ khi đối diện với nước non rộng lớn.

**Câu 5:** Hai câu thơ luận:

   Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

* Biện pháp tu từ:

+ Phép đảo ngữ: từng đám rêu – xiên ngang mặt đất; mấy hòn đá – đâm toạc chân mây.

+ Phép đối giữa hai câu

+ Sử dụng các động từ mạnh: xiên ngang, đâm toạc

* Tác dụng tu từ:

+ Nhấn mạnh sức sống mãnh liệt của thiên nhiên như muốn vùng lên, phá ngang, phẫn uất với trời đất.

+ Thể hiện tâm trạng phẫn uất của con người, qua đó khát vọng vượt lên, không cam chịu số phận, thách thức duyên phận của nứ sĩ.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gây ấn tượng.

**Câu 6.** Một số tác phẩm viết về người phụ nữ: Bánh trôi nước (HXH), Chinh phụ ngâm khúc (Đặng Trần Côn), Cung oán ngâm khúc (Nguyễn Gia Thiều), Truyện Kiều (Nguyễn Du),…

**Câu 7:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Tâm trạng của người phụ nữ trong hai câu thơ cuối bài thơ:

+ HXH quay trở lại với tâm trạng chán trường, buồn tủi: Từ “xuân” mang hai ý nghĩa, vừa là mùa xuân, đồng thời cũng là tuổi xuân. Mùa xuân đất trời đi rồi trở lại theo nhịp tuần hoàn, còn tuổi xuân của con người cứ qua đi mà không bao giờ trở lại.

+ Câu thơ cuối: *“Mảnh tình – san sẻ - tí – con con”* sử dụng thủ pháp tăng tiến làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn, tội nghiệp hơn. Mảnh tình càng bé thì nỗi đau càng tăng và đọng lại là dư vị xót xa, cay đăng về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa với phận hẩm, duyên ôi.

**ĐỌC HIỂU THƠ NÔM ĐƯỜNG LUẬT NGOÀI SGK**

**Đề số 02: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**TỰ TÌNH** (bài 1)

*Tiếng gà văng vằng gáy trên bom(1),*

*Oán hận trông ra khắp mọi chòm.*

*Mõ(2) thảm không khua mà cũng cốc,*

*Chuông(3) sầu chẳng đánh cớ sao om?*

*Trước nghe những tiếng thêm rền rĩ,*

*Sau giận vì duyên để mõm mòm,*

*Tài tử văn nhân(4) ai đó tá?*

*Thân này đâu đã chịu già tom(5)!*

HỒ XUÂN HƯƠNG

                                                                 (Thơ Hồ Xuân Hương, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

**Chú giải:**

1. *Bom*: phần phía sau con thuyền, nơi người dân chài thường nuôi nhốt gà.
2. , (3) *Mõ, Chuông*: Mõ và chuông dùng trong nhà chùa có tác dụng làm nguôi dịu lòng người. Ở đây, nhà thơ vận dụng khác. *Mõ thảm, chuông sầu*: tiếng lòng sầu thảm trong đêm khuya vắng lặng không khua, không đánh mà vẫn vang lên dữ dội những âm thanh khô khốc, ầm ĩ, cốc như mõ và om như chuông.

*(4)Tài từ:* người có tài và sống phóng khoáng*. Văn nhân:* người có học và có tài văn chương.

*(5) Già tom*: như già nhom, chỉ già nua, gầy nhom.

**Câu 1.** Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào?

**Câu 2**. Xác định yếu tố ngoại cảnh tác động đến tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

**Câu 3**. Chỉ ra 2 từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

**Câu 4.** Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*“Trước nghe những tiếng thêm rền rĩ,*

*Sau giận vì duyên để mõm mòm”*

**Câu 5.** Cảm nhận về thái độ của nhân vật trữ tình thể hiện trong hai câu thơ cuối:  
  
 *“Tài tử văn nhân ai đó tá?  
  
 Thân này đâu đã chịu già tom!”*

**Câu 6**. Nhận xét về ngôn ngữ Hồ Xuân Hương sử dụng trong bài thơ.

**Câu 7**. Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu suy nghĩ của anh/ chị về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật thơ Nôm.

**Câu 2:** Yếu tố ngoại cảnh: tiếng gà gáy văng vắng báo sang canh, gợi ra không gian đêm khuya vắng vẻ, càng góp phần làm nổi bật tâm trạng "oán hận" của người phụ nữ thao thức suốt những canh trường.

**Câu 3:**

* 2 từ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là: *oán hận, giận.*

**Câu 4:**

* Các biện pháp tu từ trong hai câu luận:

+ Phép đối: "*Trước nghe*" đối với "*sau giận*", "*tiếng*" hô ứng với "*duyên"*; "*rền rĩ*" là tâm trạng đối với "*mõm mòm*" là trạng thái.

+ Sử dụng các từ láy: *rền rĩ, mõm mòm*

* Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Nhấn mạnh tiếng thở dài, vừa than thân trách phận, vừa buồn tủi về tình duyên bẽ bàng, phận hẩm duyên ôi của người phụ nữ.

+ Làm cho cách diễn đạt sinh động, gây ấn tượng.

**Câu 5:**

Hồ Xuân Hương là một người phụ nữ bướng bỉnh, cá tính, mạnh mẽ. Dù nhận thức được duyên phận hiện tại của bản thân là "mõm mòm", hẩm hiu nhưng bà không chịu khuất phục, vẫn muốn vượt lên trên nghịch cảnh, vẫn khát khao hạnh phúc.  
Câu thơ cuối thể hiện thái độ thách thức của nữ sĩ trước cuộc đời: không chịu "già tom", không chịu đầu hàng số phận.

**Câu 6.** Nhận xét về ngôn ngữ Hồ Xuân Hương sử dụng trong bài thơ:  
- Trong bài thơ, Hồ Xuân Hương sử dụng rất nhiều những từ ngữ thuần Việt: *văng vẳng, gáy, bom, oán hận, trông ra, khắp, chòm, mõ thảm, cốc, chuông sầu, chẳng, cớ sao, om, rền rĩ, giận, mõm mòm, già tom.*  
- Các từ láy: *văng vẳng, rền rĩ, mõm mòm* vừa giàu giá trị biểu đạt, vừa nôm na, đậm chất dân dã.  
Như vậy, ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương mộc mạc, gần gũi, bình dị

**Câu 7.** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung: Suy nghĩ về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa:**

+ Những tác phẩm văn học trung đại đem lại cho chúng ta biết bao suy nghĩ cùng  sự đồng cảm với số phận bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ.

+ Sống trong một chế độ phong kiến bất công với bao thành kiến lạc hậu, người phụ nữ luôn phải chịu những bất công, thiệt thòi, nhiều mất mát và hi sinh.

+ Họ chịu sự ràng buộc, áp đặt của lễ giáo phong kiến hà khắc với đạo tam tòng, tứ đức, với thói trọng nam khinh nữ.

+ Dù phải chịu nhiều bất công, ngang trái nhưng người phụ nữ vẫn giữ được sự son sắt, thủy chung cùng những phẩm chất tốt đẹp của mình.

**Đề số 03: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

**THĂNG LONG THÀNH HOÀI CỔ**(\*)

(Bà Huyện Thanh Quan)  
*Tạo hóa gây chi cuộc hí trường(1)  
Đến nay thấm thoắt mấy tinh sương(2)  
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo(3),  
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương(4),  
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt(5),  
Nước còn cau mặt với tang thương(6)  
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ.  
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường(7)*

(Nguồn: Nguyễn Tường Phượng, Phan Văn Sách, Bùi Hữu Sủng, *Việt văn diễn giảng hậu bán thế kỷ thứ XIX*, Trường Nguyễn Khuyến xuất bản, Hà Nội, 1953)

**Chú giải:**

**(\*)** Thăng Long là kinh đô nước ta từ đời nhà Lý đến đời nhà Lê, đến đời Minh Mệnh nhà Nguyễn thì đổi ra tỉnh Hà Nội. Đi qua cố đô, Bà huyện Thanh Quan, đại biểu cho giai cấp sĩ phu Bắc Hà, bâng khuâng trước sự di đô đổi triều, đau lòng trước sự tang thương.

1. *Hí trường*: Sân khấu diễn tuồng. Ở đây dùng ví với cuộc đời, vì nối tiếp hết lớp này tiếp lớp khác, luôn biến đổi;
2. *Tinh sương*: Một năm, tinh là sao, mỗi năm di chuyển một vòng, sương theo thời tiết, mỗi năm giáng một lần;
3. *Thu thảo*: Cỏ mùa thu;
4. *Tịch dương*: Bóng mặt trời lúc chiều tà;
5. *Tuế nguyệt*: Năm tháng;
6. *Tang thương*: Do chữ "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành ruộng dâu), chỉ việc sự vật thay đổi;
7. Đoạn trường: Đau lòng đứt ruột.  
   **Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của bài thơ.  
**Câu 2.** Những câu thơ nào gợi lên hình ảnh hoang tàn, phế tích của kinh thành xưa?  
**Câu 3.** Chỉ ra 03 từ Hán Việt được sử dụng trong bài thơ. Hãy nhận xét về ngôn ngữ thơ của bà Huyện Thanh Quan.  
**Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật trong hai câu thơ sau:

**“** *Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt/ Nước còn cau mặt với tang thương".*  
**Câu 5.** Nêu cảm nhận về tâm trạng của tác giả thể hiện trong bài thơ.  
**Câu 6**. Bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị của quá khứ? Viết câu trả lời trong đoạn văn khoảng 5 - 7 dòng.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:**

* Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.
* Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

**Câu 2:** Những câu thơ gợi lên hình ảnh hoang tàn, phế tích của kinh thành xưa:  
 *Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
 Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.*

(Đường bàn cờ dọc ngang nơi Long Thành xưa kia từng suốt đêm ngày nhộn nhịp ngựa xe, nay chỉ còn lại "thu thảo" - cỏ mùa thu vàng úa, tàn tạ. Cảnh vật càng trở nên ảm đạm dưới "bóng tịch dương", bóng mặt trời lúc sắp lặn.)

**Câu 3:**  
- 03 từ Hán Việt được sử dụng trong bài thơ: *hí trường, tinh sương, thu thảo* (*hoặc lâu đài, tịch dương, tuế nguyệt, tàng thương, kim cổ, đoạn trường*...)  
- Nhận xét về ngôn ngữ thơ của bà Huyện Thanh Quan: Ngôn ngữ thơ của bà huyện Thanh Quan là ngôn ngữ trang trọng, cổ điển, có sự xuất hiện dày đặc của các từ ngữ Hán Việt.  
**Câu 4:**

* Biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ:

“*Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt/ Nước còn cau mặt với tang thương*":

+ Nhân hóa: "Đá" và “nước” được nhân hóa, mang tình người và hồn người. Trên cái “nền cũ lâu đài”, đá thách thức cùng năm tháng “vẫn trơ gan” đau đớn, buồn thương. Nơi bến cũ, hồ xưa, “nước còn cau mặt” với mọi đổi thay, “với tang thương” cuộc đời.

+ Phép đối chặt chẽ: Đá vẫn trơ gan - Nước còn cau mặt; tuế nguyệt – tang thương

+ Sử dụng từ Hán Việt (*tuế nguyệt, tang thương)*  
- Tác dụng của các biện pháp tu từ:  
+ Làm nổi bật được sự vĩnh hằng, bất biến của thiên nhiên, vũ trụ trước thời gian. Tạo cảm nhận rõ ràng, sâu sắc, cụ thể về sự biến thiên, dâu bể của cuộc đời.

+ Thể hiện cảm hứng hoài cổ của nhà thơ.  
+ Tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho lời thơ; làm cho cách diễn đạt thêm giàu hình ảnh, lời thơ thêm trang trọng.  
**Câu 5:** Tâm trạng của tác giả trong bài thơ: Bài thơ thể hiện nỗi niềm hoài cổ của thi sĩ về kinh thành Thăng Long xưa. Những triều đại vàng son, huy hoàng, tráng lệ ngày trước nay chỉ còn là cảnh hoang phế, điêu tàn, vắng lặng. Đứng trước cảnh đó, lòng người chất chứa biết bao cảm giác xót xa, ngậm ngùi, nhớ tiếc.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

 -  **Nội dung:** suy nghĩ về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị của quá khứ:  
+ Những giá trị của quá khứ sẽ là nền tảng cho hiện tại và tương lai ( là bài học kinh nghiệm vô giá...)  
+ Trân trọng những giá trị của quá khứ sẽ hình thành cho con người những phẩm chất cao đẹp.

**Đề số 04:**

**Đọc bài thơ:**

**VỊNH MÙA ĐÔNG**

*(Nguyễn Công Trứ)*

*Nghĩ lại thì trời vốn cũng sòng,*

*Chẳng vì rét mướt bỏ mùa đông.*

*Mây về ngàn Hống đen như mực,*

*Gió lọt rèm thưa lạnh tựa đồng.*

*Cảo mực hơi may ngòi bút rít,*

*Phím loan cưởi nhuộm sợi tơ chùng.*

*Bốn mùa ví những xuân đi cả,*

*Góc núi ai hay sức lão tùng.*

(*Thơ văn Nguyễn Công Trứ*, NXB Văn học, 1983)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Xác định thể thơ trong văn bản trên.

**Câu 2.** Chỉ ra những đặc điểm của cảnh vật mùa đông được tác giả khắc họa trong bài thơ.

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Mây về ngàn Hống đen như mực,*

*Gió lọt rèm thưa lạnh tựa đồng.*

**Câu 4.** Anh (chị) hiểu như thế nào về hình ảnh *lão tùng* giữa mùa đông?

**Câu 5**. Nêu nhận xét của anh/chị về cốt cách nhà nho Nguyễn Công Trứ thể hiện trong bài thơ **Câu 6**.Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 7 - 10 dòng) nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc dám đương đầu với khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Thể thơ được sử dụng trong bài thơ trên: Thất ngôn bát cú Đường luật.

**Câu 2:** Trong bài thơ, cảnh vật mùa đông được khắc hoạ với những đặc điểm: BẢ– ĐỖ THỊ H

- Rét mướt,

- Mây đen như mực,

- Gió lạnh tựa đồng,

- Mực bay hơi làm đông đặc ngòi bút,

- Sương làm chùng phím đàn.

**Câu 3:**

* Biện pháp tu từ:

Phép so sánh**:** Mây đen như mực; gió lạnh tựa đồng,

* Tác dụng của các phép tu từ:

**+** Nhấn mạnh thời tiết mùa đông khắc nghiệt, chứa đựng nhiều trở ngại cho thiên nhiên và con người.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh.

**Câu 4:**

Hình ảnh *lão tùng* (cây tùng già):

- Cây tùng già vẫn xanh tốt trước mùa đông sương gió lạnh lẽo, vẫn vững vàng trong bão táp phong ba.

- Cây tùng là hình ảnh ước lệ, tượng trưng cho con người từng trải, có tài đức, giàu nghị lực, hiên ngang trước mọi thử thách của cuộc đời.

**Câu 5:** Nhận xét về cốt cách nhà nho Nguyễn Công Trứ được thể hiện trong bài thơ:

- Dù có gặp cảnh ngộ éo le, hiểm nghèo thì tác giả vẫn kiên định hiên ngang và cứng rắn như cây tùng nơi góc núi.

- Cốt cách cao quý với quan niệm nhân sinh đẹp đẽ, nhân cách cứng cỏi, lạc quan và tự tin.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** HS nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc dám đương đầu với khó khăn, thử thách trong cuộc sống, có thể:

+ Dám đương đầu với khó khăn thử thách là biểu hiện cho lối sống thực tế của người có bản lĩnh, thấu hiểu giới hạn bản thân, sẵn sàng đối mặt, sẵn sàng dấn thân trước mọi biến cố cuộc đời...

+ Dám đương đầu với khó khăn thử thách thể hiện thái độ tự tin, quyết đoán, sẵn sàng chấp nhận thử thách để nghĩ, để làm, để tôi luyện bản thân, để khám phá chính mình, để tìm ra cơ hội mới, để sống có ý nghĩa và góp phần lan tỏa năng lượng sống tích cực, tốt đẹp đến cộng đồng, xã hội…

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đề bài 1: Phân tích bài thơ "Tự tình II" của Hồ Xuân Hương.**

**Gợi ý dàn ý**

**I. Mở bài**

**-**Trình bày những nét tiêu biểu về nữ sĩ Hồ Xuân Hương: Nữ sĩ được mệnh danh: “Bà chúa thơ Nôm” với rất nhiều những bài thơ thể hiện sự trân trọng vẻ đẹp và niềm cảm thông, thương xót cho số phận những người phụ nữ.

- Giới thiệu bài thơ *Tự tình II*: Đây là một trong số 3 bài thơ trong chùm thơ *Tự tình* thể hiện nỗi niềm buồn tủi trước cảnh ngộ lỡ làng.

**II. Thân bài**

**1. Hai câu đề: Nỗi niềm buồn tủi, chán chường**

**Câu 1: Thể hiện qua việc tái hiện bối cảnh:**

* Thời gian: *Đêm khuya, trống canh dồn* – nhịp gấp gáp, liên hồi của tiếng trống thể hiện bước đi thời gian gấp gáp, vội vã ⇒ Con người chất chứa nỗi niềm, bất an
* Không gian: “*văng vẳng*” - lấy động tả tĩnh ⇒  Miêu tả không gian rộng lớn nhưng tĩnh vắng.

⇒ Con người trở nên nhỏ bé, lạc lõng, cô đơn.

**Câu 2: Diễn tả trực tiếp nỗi buồn tủi bằng cách sử dụng từ ngữ gây ấn tượng mạnh:**

* Từ “trơ” được nhấn mạnh: nỗi đau, hoàn cảnh “trơ trọi”, tủi hờn, đồng thời thể hiện bản lĩnh thách thức, đối đầu với những bất công ngang trái.
* *Cái hồng nhan:* Kết hợp từ lạ thể hiện sự rẻ rúng

⇒ Hai vế đối lập: “cái hồng nhan” đối với “với nước non”

⇒ Bi kịch người phụ nữ trong xã hội

**2. Hai câu thực: Diễn tả rõ nét hơn tình cảnh lẻ loi và nỗi niềm buồn tủi**

**Câu 3: Hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa**

* *Chén rượu hương đưa*: Tình cảnh lẻ loi, mượn rượu để giải sầu.
* Say lại tỉnh: vòng luẩn quẩn không lối thoát, cuộc rượu say rồi tỉnh cũng như cuộc tình vương vít cũng nhanh tàn, để lại sự rã rời.

⇒ Vòng luẩn quẩn ấy gợi cảm nhận duyên tình đã trở thành trò đùa của số phận.

**Câu 4: Nỗi chán chường, đau đớn ê chề**

- Hình tượng thơ chứa hai lần bi kịch:

*Vầng trăng bóng xế*: Trăng đã sắp tàn ⇒ tuổi xuân đã trôi qua

*Khuyết chưa tròn:* Nhân duyên chưa trọn vẹn, chưa tìm được hạnh phúc viên mãn, tròn đầy ⇒ sự muộn màng, dở dang của con người

- Nghệ thuật đối → tô đậm thêm nỗi sầu đơn lẻ của người muộn màng lỡ dở

⇒ Niềm mong mỏi thoát khỏi hoàn cảnh thực tại nhưng không tìm được lối thoát.

**3. Hai câu luận: Nỗi niềm phẫn uất, sự phản kháng của Xuân Hương**

- Cảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang niềm phẫn uất và bộc lộ cá tính:

*Rêu*: sự vật yếu ớt, hèn mọn mà cũng không chịu mềm yếu

*Đá*: im lìm nhưng nay phải rắn chắc hơn, phải nhọn hoắt lên để “đâm toạc chân mây”

- Động từ mạnh *xiên, đâm* kết hợp với bổ ngữ *ngang, toạc* thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh

- Nghệ thuật đối, đảo ngữ ⇒ Sự phản kháng mạnh mẽ dữ dội, quyết liệt

⇒ Sức sống đang bị nén xuống đã bắt đầu bật lên mạnh mẽ vô cùng.

⇒ Sự phản kháng của thiên nhiên hay cũng chính là sự phản kháng của con người.

**4. Hai câu kết: Quay trở lại với tâm trạng chán trường, buồn tủi**

**Câu 7:**

- *Ngán*: chán ngán, ngán ngẩm

- *Xuân đi xuân lại lại*: Từ “xuân” mang hai ý nghĩa, vừa là mùa xuân, đồng thời cũng là tuổi xuân

⇒ Mùa xuân đi rồi trở lại theo nhịp tuần hoàn còn tuổi xuân của con người cứ qua đi mà không bao giờ trở lại ⇒ Tâm trạng chán ngán., chua chát

**Câu 8:**

- *Mảnh tình*: Tình yêu không trọn vẹn

- Nghệ thuật tăng tiến:

*Mảnh tình san sẻ*: Càng làm tăng thêm nỗi chua xót ngậm ngùi, mảnh tình vốn đã không được trọn vẹn nhưng ở đây còn phải san sẻ

*Tí con con*: *tí* và *con con* đều là hai tính từ chỉ sự nhỏ bé, đặt hai tính từ này cạnh nhau càng làm tăng sự nhỏ bé, hèn mọn

⇒ Mảnh tình vốn đã không được trọn vẹn nay lại phải san sẻ ra để cuối cùng trở thành tí con con, càng làm nổi bật số phận éo le, ngang trái của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, phải chịu thân phận làm lẽ.

**5. Nghệ thuật**

- Ngôn ngữ thơ điêu luyện, bộc lộ được tài năng và phong cách của tác giả:

Sử dụng từ ngữ, hình ảnh giàu sức tạo hình, giàu giá trị biểu cảm, đa nghĩa

- Thủ pháp nghệ thuật: lấy động tả tĩnh, tả cảnh ngụ tình.

- Các biện pháp tu từ đa dạng: đảo ngữ, sử dụng động từ mạnh, từ láy, đối, ẩn dụ, tăng tiến,…

- Việt hóa thơ Đường mang nét dân gian – dân tộc theo phong cách riêng của HXH

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

- Thông qua bài thơ thể hiện giá trị hiện thực và bộc lộ tấm lòng nhân đạo sâu sắc của một nhà thơ “phụ nữ viết về phụ nữ”.

**Đề số 02:** “Tự tình II vừa nói lên bi kịch duyên phận, vừa cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của HXH”.

Gợi ý

1. **Mở bài:**

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
* Khái quát nội dung, ý nghĩa tác phẩm và trích dẫn nhận định cần chứng minh.

**II. Thân bài:**

**(1). Tự tình II cho ta thấy bi kịch duyên phận của người phụ nữ:**

**\*Hai câu đề:**

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,*

- Mở đầu bài thơ là điểm thời gian *đêm khuya*, khi con người đối diện thật nhất với mình cũng là lúc nhân vật trữ nhận ra tình cảnh đáng thương của mình. Sự cô đơn trơ trọi được đặt trong thời gian.

- *Tiếng trống canh*được cảm nhận trong cái tĩnh lặng, trong sự phấp phỏng như sợ bước chuyển mau lẹ của thời gian.  Được xác định cụ thể qua cụm từ *văng vẳng.*

- Chữ *dồn* nghĩa là dồn dập vừa diễn tả nhịp thời gian trôi đi mà gấp gáp.

 ---> Âm thanh từ xa vọng lại, vừa là điểm nhịp thời gian vừa là sự tĩnh lặng của không gian, như muốn đánh thức nỗi niềm của con người. Khi trăm mối tơ lòng không thể gỡ mà thời gian gấp gáp cứ trôi đi thì còn lại là sự bẽ bàng...

*Trơ cái hồng nhan với nước non.*

- Chữ *trơ* được đặt ở đầu câu nhấn mạnh nỗi đau của sự cô đon, của sự bất hạnh trong tình duyên.

- Hai chữ *hồng nhan* là má hồng, nói về dung nhan thiếu nữ mà lại đi với từ *cái* thì thật là rẻ rúng, mỉa mai. Mặc dù là hồng nhan nhưng vẫn gợi ra vế thứ hai là bạc phận.

- Nhịp thơ 1/3/3, nghệ thuật đảo ngữ *trơ* lên đầu câu, từ *cái,* nghệ thuật đối lập *cái hồng nhan* với *nước non* đã nhấn mạnh sự bẽ bàng, cô đơn của người phụ nữ trước không gian rộng lớn. Hơn nữa, *trơ*không chỉ là bẽ bàng mà còn là lì ra, thách thức thể hiện sự bền gan thách đố.

*--->Cái hồng nhan*trơ với nuớc non không chỉ là dãi dầu mà còn là cay đắng, vì vậy nỗi xót xa càng thấm thìa, càng ngẫm lại càng đau.

**==>>** Hai câu đề, vừa thể hiện nỗi tủi hổ, sự cô đơn vừa thể hiện sự bền gan, thách đố của nhân vật trữ tình. Qua đó, khiến ta càng cảm thông hơn với thân phận người phụ nữ xưa.

**\* Hai câu thực:**

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*

- Muốn mượn chén rượu để giải sầu, để quên đi, để khuây khoả nỗi buồn cô đơn, nhưng càng uống, hương rượu đưa lên càng *say lại tỉnh.*

- *Say lại tỉnh* gợi sự quẩn quanh, cái vòng luẩn quẩn, dường như tình yêu đã trở thành trò đùa của duyên phận.

*Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*

- *Vầng trăng:*là biểu tượng cho cái đẹp, sự viên mãn, hạnh phúc tràn đầy.

- Nhưng vầng trăng *bóng xế* là qua thời điểm chín viên, *khuyết chưa tròn* là sự thiếu hụt không trọn vẹn.

--> Vầng trăng biểu tượng cho tuổi xuân con người đã qua mà hạnh phúc mà nhân duyên vẫn chưa trọn vẹn.

==>> Hai câu thơ vừa là ngoại cảnh mà vừa là tâm cảnh, tác giả đã tạo nên sự đồng nhất người-trăng, người với thiên nhiên, từ đó làm nổi bật sự éo le của thân phận phụ nữ.

***Liên hệ:*** Trăng trong thơ Trung đại thường thể hiện và đồng cảm với sự bất hạnh của số phận phụ nữ.Đó là cảnh nàng Kiều khắc khoải cô đơn trong đêm trường lạnh giá khi chia tay với Thúc Sinh - cũng là vĩnh viễn chia li với hạnh phúc *chỉ ấm trôn kim* mà nàng vừa có được. Đó cũng là cảnh những người cung nữ, chinh phụ trong những đêm dài xa vắng người thương, nhìn trăng hoa giao hòa quấn quýt.

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi*

*Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.*

(*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

*Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm*

*Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông*

*Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng*

(*Chinh phụ ngâm khúc* - Đoàn Thị Điểm dịch)

(**2) Nhưng nỗi buồn trong thơ HXH bao giờ cũng mang đến một phản ứng tích cực. Bên cạnh nỗi đau của HXH còn là bản lĩnh, là khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của bà:**

**\*Hai câu luận:**

*Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,*

*Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

*-*Những sinh vật nhỏ bé, hèn mọn nhu đám rêu kia mà cũng không chịu mềm yếu, nó phải mọc xiên, lại xiên ngang mặt đất. Đá đã rắn chắc lại phải rắn chắc hơn, lại phải nhọn hoắt lên để *đâm toạc chân mây*.

**-**Nghệ thuật đảo cấu trúc ngữ pháp, đối nhau rất chỉnh, các động từ mạnh *xiên ngang*, *đâm toạc*lên đầu câu, không chỉ nói lên sức sống tiềm ẩn của thiên nhiên mà còn biểu hiện một thái độ bươn ra, một ý thức vươn dậy, muốn thoát ra khỏi sự tù túng của cảnh ngộ, của số phận.

==>> Đó là thái độ không cam chịu, là hành động phản kháng bi kịch cuộc đời, sức sống mãnh liệt của người phụ nữ. Nó thể hiện rõ dấu ấn của Hồ Xuân Hương: ngôn từ dùng thì sắc nhọn, cá tính thì bướng bỉnh, ngang ngạnh.

**\*Hai câu kết:**

*Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,*

*Mảnh tình san sẻ tí con con !*

- "Ngán" là ngán ngẩm, ngao ngán, chán ngán.

--> Đó là tâm trạng chán chường, buồn tủi, gần như bất lực, cam chịu trước số phận, duyên phận hẩm hiu, lẻ mọn.

- Điệp từ *lại* nhấn mạnh mùa xuân trôi qua rồi mùa xuân trở lại, nhưng tuổi xuân người cô phụ ngày một phai tàn theo năm tháng chờ mong. Chờ mong xuân tình, chờ mong hạnh phúc, nhưng nào có được là bao?

- Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn: *mảnh tình - san sẻ - tí - con con*. Mảnh tình đã bé lại còn san sẻ thành ra ít ỏi, chỉ còn tí con con, nên càng xót xa tội nghiệp.

==>Nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa, với họ, hạnh phúc luôn là chiếc chăn quá hẹp. Thời gian điều chỉnh mọi tâm hồn, với Hồ Xuân Hương và bao người phụ nữ cùng chung cảnh ngộ cũng không thể nào vùng vẫy thoát ra được. Sự khát khao hạnh phúc và nỗi buồn vì thân phận lẽ mọn được nữ sĩ nói đến một cách chân thật cảm động, đã làm nên giá trị nhân bản của bài thơ "Tự tình" - II.

**(3)Nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Hồ Xuân Hương rất đặc sắc.**

Bên cạnh các chữ làm vần thơ (*dồn, non, tròn, hòn, con*), các từ láy (*văng vẳng, san sẻ, con con*), thì chữ "lại" xuất hiện đến ba lần trong một bài thơ Đường luật. Đó là một điều hi hữu:

- Chén rượu hương đưa say lại tỉnh.

- Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại.

Đó không phải là một sự non tay! Nữ sĩ đã thể hiện một cách đầy ấn tượng sự đồng hiện thời gian nghệ thuật và tâm trạng nghệ thuật qua chữ "lại" ấy.

**III. Kết bài**• Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn,tả cảnh sinh động đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

• Qua bài thơ ta thấy được bản lĩnh Hô Xuân Hương được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được hạnh phúc.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 3: CÂU CÁ MÙA THU** - Nguyễn Khuyến -

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả Nguyễn Khuyến**

***a. Cuộc đời***

- Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) hiệu là Quế Sơn, quê làng Và, xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình nhiều người đỗ đạt, làm quan to.

- Là người tài cao học rộng, đỗ đầu ba kì thi, thường được gọi bằng cái tên trân trọng Tam Nguyên Yên Đổ.

- Ông chỉ làm quan 10 năm, sau đó về ở ẩn. Ông gắn bó sâu nặng với làng quê Bắc Bộ

→ viết về những sự vật bình dị, gần gũi.

- Ông là người có tấm lòng yêu nước thương dân.

***b. Sự nghiệp sáng tác***

- Nội dung thơ văn Nguyễn Khuyến: Thơ văn ông nói lên tình yêu quê hương đất nước thể hiện trong sự u hoài trước cảnh đổi thay của đất nước, thể hiện trong những bài thơ phản ánh cuộc sống của những người dân quê, những bức tranh làng quê đất Việt và những bức tranh biếm họa thâm trầm

- Sáng tác của ông còn lại khoảng trên 800 bài, chủ yếu là thơ. Thơ ông bao gồm cả thơ chữ Hán và chữ Nôm song thơ văn Nôm được mọi người khâm phục hơn hết.

- Được mệnh danh là “*nhà thơ của dân tình làng cảnh VN”*

=> Cuộc đời của Nguyễn Khuyến là cuộc đời của một trí thức dân tộc có tài năng lớn, một nhà nho có cốt cách thanh cao, thâm trầm, có tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc.

**2. Bài thơ "Câu cá mùa thu”**

**a.** **Xuất xứ**, **HCST** của tác phẩm: bài thơ nằm trong chùm ba bài thơ thu: Câu cá mùa thu (*Thu điếu), Vịnh mùa thu (Thu vịnh), Uống rượu mùa thu (Thu ẩm) –* chùm thơ được đánh giá là “nức danh nhất” của thơ Nôm Nguyễn Khuyến*.*

Đây là chùm thơ đặc sắc về mùa thu, đặc trưng cho quê hương làng cảnh Việt Nam được Nguyễn Khuyến viết vào thời gian sau khi ông đã từ quan về ở ẩn tại quê nhà (1884).

**b. Thể loại**: Thơ Nôm Đường luật theo thể thất ngôn bát cú.

**c. Đề tài:** mùa thu. Đây là đề tài quen thuộc trong thơ ca. (Trong thơ cổ, chữ *thu* được ghép bằng chữ tâm và chữ sầu). Đây là mùa gợi cảm xúc trong lòng người, gieo vào lòng người những cảm xúc tinh tế.

**d.** **Đặc sắc nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật :**

- Hình ảnh thơ gần gũi, chọn lọc.

- Ngôn ngữ: tinh tế, cách sử dụng từ láy, điệp vần....

- Cách gieo vần đặc biệt: Vần " eo "(tử vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

- Thủ pháp lấy động nói tĩnh - nghệ thuật thơ cổ phương Đông.

- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.

**\*Nội dung:**

- Cảnh mang vẻ đẹp điển hình cho mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, của quê hương làng cảnh Việt Nam. Cảnh đẹp nhưng đượm buồn.

- Bài thơ vừa cho thấy tình yêu quê hương đất nước, vừa cho thấy tâm trạng thời thế của tác giả.  
**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01:**  **Đọc bài thơ sau:**

**CÂU CÁ MÙA THU**

(*Thu điếu*)

NGUYỄN KHUYẾN

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo,*

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

*Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,*

*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

*Tựa gối buông cần lâu chẳng được,*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến,* NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của bài thơ.

**Câu 2**. Điểm nhìn cảnh thu của tác giả Nguyễn Khuyến trong bài thơ "Câu cá mùa thu" có gì đặc sắc? Từ điểm nhìn ấy, nhà thơ đã bao quát cảnh thu như thế nào?

**Câu 3.** Bức tranh mùa thu điển hình được cảm nhận qua những hình ảnh nào? Đặc điểm chung của những hình ảnh đó?

**Câu 4.** Cách gieo vần trong bài thơ "Câu cá mùa thu "có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy gợi cho ta cảm giác gì về cảnh thu và tình thu?

**Câu 5**. Qua bài thơ “Câu cá mùa thu”, anh/ chị có cảm nhận như thế nào về tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước?

**Câu 6**.Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 3 - 5 câu) nêu cảm nhận về một hình ảnh thơ mà anh/ chị ấn tượng trong bài.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.**

* Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm
* Bài thơ được viêt theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.

**Câu 2:**

- Điểm nhìn: Cảnh vật được đón nhận từ gần đến cao xa, rồi từ cao xa trở lại gần. Điểm nhìn cảnh thu là chiếc thuyền câu nhìn mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu.

- Từ điểm nhìn ấy, từ một khung ao hẹp, không gian mùa thu, cảnh sắc mùa thu mở ra nhiều hướng thật sinh động.

**Câu 3**:

- Bức tranh mùa thu điển hình được cảm nhận qua các hình ảnh: ao thu, nước thu, chiếc thuyền câu, sóng biếc mặt ao, lá vàng, gió thu, tầng mây, ngõ trúc.

- Đặc điểm chung của những hình ảnh này:

+ Tất cả đều gần gũi, quen thuộc, gợi hồn quê dân dã.

+ Đều mang nét thanh sơ, êm đềm, tĩnh lặng, thoáng nỗi buồn u uẩn.

**Câu 4:** Cách gieo vần “eo” độc đáo góp phần diễn tả không gian thu nhỏ, khép kín của cảnh thu ở nông thôn, cũng phù hợp với tâm trạng nhiều uẩn khúc của tác giả.

**Câu 5**: Tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước:

– Tình yêu thiên nhiên tha thiết, sống hòa mình với thiên nhiên:

+ Huy động nhiều giác quan để cảm nhận bức tranh thu.

+ Phải là người yêu thiên nhiên thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của quê hương, đồng thời miêu tả vẻ đẹp ấy vừa chân thật, vừa tinh tế.

- Tâm sự thời thế, lòng yêu nước thầm kín - tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc: Đi câu nhưng tâm trí không để ở việc đi câu mà tâm hồn nặng lòng với thế sự. Cả bài thơ man mác một nối u hoài từ trong lòng nhà thơ lan tỏa sang cảnh vật.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

**- Nội dung:** cảm nhận về một hình ảnh thơ ấn tượng trong bài: Đó là hình ảnh thơ nào? Hình ảnh thơ đó diễn tả vẻ đẹp gì của bức tranh mùa thu, thể hiện tình cảm gì của nhà thơ?

**ĐỌC HIỂU NGOÀI SGK**

**Đề bài 02:**

**Đọc bài thơ sau:**

**THU VỊNH**

*(Nguyễn Khuyến)*

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ,*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,*

*Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào(1).*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

**Chú thích :**

(1) Ông Đào: ở đây chỉ Đào Uyên Minh, còn gọi là Đào Tiềm (365 - 427), tự Nguyên Lượng, người đất Tầm Dương, Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Từ năm 29 đến năm 41 tuổi, có nhiều lần Đào Uyên Minh ra làm quan và cũng nhiều lần xin từ chức. Đến năm 405, ông chính thức tuyên bố rút về ở hẳn với điền viên. Lúc bấy giờ ông mới 40 tuổi và viết bài thơ “Quy khứ lai từ” (Về đi thôi!).

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

**Câu 2.** Hãy chỉ ra những hình ảnh đặc trưng của bức tranh mùa thu được tác giả phác họa trong bốn câu thơ:

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ,*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ sau:  
 *Nước biếc trông như tầng khói phủ  
 Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

**Câu 4.** Anh/ chị hiểu như thế nào về nội dung của hai câu thơ sau?

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

**Câu 5.** Nêu nhận xét của anh/chị về nỗi thẹn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ.

**Câu 6.** Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) trình bày suy nghĩ về giá trị của những phút nhìn lại mình.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: Biểu cảm.

**Câu 2:** Những hình ảnh đặc trưng của bức tranh mùa thu được tác giả phác họa trong bốn câu thơ đầu là:

- Trời thu xanh ngắt,

- Nước thu xanh trong (nước biếc),

- Cần trúc (cành trúc) lơ phơ,

- Trăng thu chan hòa/hòa hợp với con người*.*

**Câu 3:** Hai câu thơ:  
 *Nước biếc trông như tầng khói phủ  
 Song thưa để mặc bóng trăng vào.*  
- Các biện pháp tu từ:   
+ So sánh: nước biếc như tầng khói phủ;  
+ Phép đối: nước biếc - song thưa; tầng khói phủ - bóng trăng vào;  
- Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật:

+ Góp phần tạo ấn tượng về bức tranh thiên nhiên mùa thu đẹp huyền ảo, thơ mộng;

+ Đồng thời tăng tính gợi hình, tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho lời thơ.

**Câu 4:** Nội dung của hai câu thơ:

- Nhân vật trữ tình/nhà thơ/tác giả hứng khởi muốn cất bút làm thơ để vịnh thu nhưng lại ngập ngừng vì cảm thấy thẹn/xấu hổ.

- Nỗi niềm suy tư, trăn trở, day dứt, ưu thời, mẫn thế của thi nhân…  
**Câu 5:**

Nhận xét về nỗi thẹn của thi nhân được gửi gắm trong bài thơ:

- Nỗi thẹn của một nhà nho khiêm tốn, kín đáo giãi bày tâm sự yêu nước tha thiết, quyết giữ vững khí tiết, xem người xưa như tấm gương để răn mình.

- Nỗi thẹn chứng minh cho nhân cách cao đẹp của con người luôn đau đáu với đất nước, nhân dân…

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

**- Nội dung:** suy nghĩ về giá trị của những phút nhìn lại mình:

+ Những phút nhìn lại mình thực tế là cách nhìn lại, lắng nghe tâm hồn, giúp ta thấu hiểu bản thân, kiểm điểm chính mình để tự điều chỉnh; biết cân bằng cuộc sống; biết mình đang ở đâu, mình nghĩ gì, mình cần gì, đã làm gì, như thế nào và sẽ làm ra sao…để thực sự sống sâu sắc và có chất lượng.

+ Những phút nhìn lại mình cũng chính là khi ta tự soi mình vào người khác, đặt trong mối quan hệ với mọi người, với cộng đồng, xã hội để biết cách ứng xử, giao tiếp, biết điều chỉnh hành vi, thái độ, năng lực, phẩm chất… sống đúng đắn, vươn tới chuẩn mực, hoàn thiện bản thân, thích nghi, hòa nhập và góp phần lan tỏa năng lượng sống tích cực, tốt đẹp, ý nghĩa…

**Đề bài 03:**

**Đọc bài thơ sau:**

**THU ẨM**

*(Nguyễn Khuyến)*

*Năm gian nhà cỏ thấp le te,  
Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.  
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,  
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.  
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?  
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.  
Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.  
Độ năm ba chén đã say nhè.*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

**Câu 2.** **Thống kê các từ láy được sử dụng trong bài thơ. Bài thơ được gieo vần như thế nào?**

**Câu 3.** Những hình ảnh nào gợi lên cảnh thu mang được nét riêng của mùa thu làng quê xứ Bắc Việt Nam? Nhận xét về sự sảng tạo hình ảnh của tác giả khi viết về đề tài mùa thu?

**Câu 4.** Nêu tác dụng của câu hỏi tu từ: **“***Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?”*

**Câu 5.** **Câu cá, uống rượu đều là những thú chơi, thú vui tao nhã mà các nhà nho khi ở ẩn tim đến vui, để tâm hồn thư thái, quên đi việc đời. Trong bài thơ *Thu ẩm*, Nguyễn Khuyển có đạt được kết quả đó hay không**

**Câu 6.** Tâm trạng của nhà thơ trong bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì? Hãy viết câu trả lời trong một đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng).

***Gợi ý***

**Câu 1:** Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

**Câu 2:**

**-** Các từ láy có trong bài thơ: *le te, lập lòe, phất phơ, lóng lánh.*

- Bài thơ được gieo vần "e, oe" ở cuối dòng thơ 1, 2, 4, 6, 8

**Câu 3:**

- Những hình ảnh thơ gợi lên cảnh thu mang nét riêng của mùa thu làng quê xứ Bắc Việt Nam: *nhà cỏ năm gian thấp le te, đóm lập lòe, ngõ tối,* , *lưng giậu,* khói phủ mặt nước*, bóng trăng lóng lánh nơi mặt ao nhỏ, da trời xanh ngắt.*

- Sự sáng tạo của nhà thơ Nguyễn Khuyến trong việc miêu tả mùa thu đó là dùng những từ láy gợi hình đặc sắc, gieo vần độc đáo, hình ảnh thơ mộc mạc giản dị, tạo nên khung cảnh mùa thu đặc trưng của làng quê Bắc Bộ Việt Nam.

**Câu 4:** Tác dụng của câu hỏi tu từ: “*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*”:

- Thể hiện phần nào cảm xúc trăn trở, hoài nghi của nhà thơ. Cảnh vật từ đầu bài thơ đến câu thơ 5 này dường như đều biến đổi hình dáng, màu sắc, đường nét như được nhìn qua đôi mắt chao đảo của người say.

Đó là tâm trạng buồn bã, day dứt không nguôi trước vận nước rối ren, đành mượn vài chén rượu giải khuây nhưng càng uống lại càng thấy nỗi niềm đó hiện ra rõ rệt hơn, làm lảo đảo đến cả cảnh vật đêm thu.

**Câu 5:**

Trong bài thơ *Thu ẩm,* nhà thơ Nguyễn Khuyến không đạt được ước nguyện hưởng thụ thú vui tao nhã khi về quê ở ẩn. Hình ảnh thơ "*mắt không vầy cũng đỏ hoe"* gợi lên tâm trạng có phần suy tư, đau xót, bâng khuâng không rõ ràng của chính nhà thơ.

Nhà thơ một mình đối diện với bầu rượu trong đêm thu vắng. Sau dăm ba chén, hơi men đã khơi dậy tâm tư. Nhà thơ buồn bã, day dứt không nguôi trước vận nước rối ren, đành mượn vài chén rượu giải khuây nhưng càng uống lại càng thấy nỗi niềm đó hiện ra rõ rệt hơn, làm lảo đảo đến cả cảnh vật đêm thu.

=> Dù cho nhà thơ có thưởng thức rượu nhưng cũng chẳng thể hưởng thụ trọn vẹn và thư thái tâm hồn. Đó là tâm trạng của một nhà nho ở ẩn nhưng vẫn luôn đau đáu, băn khoăn trước tình cảnh của đất nước.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

**- Nội dung:** suy nghĩ của bản thân được gợi ra từ tâm trạng của nhà thơ:

+ Bồi đắp cho chúng ta tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước.

+ Gợi lên trách nhiệm của mỗi người trong tình cảnh đất nước mất chủ quyền.

**Đề số 04:** **Đọc bài thơ:**

**TIẾN SĨ GIẤY**

*(Nguyễn Khuyến)*

*Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai,*

*Cũng gọi ông nghè có kém ai.*

*Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,*

*Nét son điểm rõ mặt văn khôi.*

*Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?*

*Cái giá khoa danh ấy mới hời!*

*Ghế tréo, lọng xanh ngồi bảnh choẹ,*

*Nghĩ rằng đồ thật, hóa đồ chơi!*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Chỉ ra các đối tượng được miêu tả và châm biếm trong bài.

**Câu 3.** Anh/ chị hiểu thế nào về các hình ảnh thơ *mảnh giấy – thân giáp bảng, nét son – mặt văn khôi*? Tác giả muốn khẳng định điều gì thông qua hai hình ảnh thơ trên?

**Câu 4.** Anh (chị) có nhận xét gì về phong cách châm biếm của Nguyễn Khuyến thể hiện qua các cụm từ sao mà nhẹ, ấy mới hời?

**Câu 5.** Vì sao có thể nói bài thơ còn toát ra ý vị tự trào?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 3 - 5 câu) nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa danh và thực trong cuộc đời.

***Gợi ý***

**Câu 1:** Bài thơ được viết theo thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật hoặc thất ngôn bát cú.

**Câu 2:**

Các đối tượng được miêu tả và châm biếm trong bài:

- Những đồ chơi hình ông tiến sĩ làm bằng giấy dành cho trẻ em trong dịp tết Trung thu xưa.

 - Những kẻ mang danh khoa bảng mà không có thực chất trong xã hội thực dân nửa phong kiến.

 - Chính con người tác giả với thân phận éo le và tình cảnh trớ trêu của mình: Có tài năng, đỗ đạt cao, chịu ơn vua, ơn nước mà đành bất lực trong buổi vận nước gian nan.

**Câu 3:**

- *Mảnh giấy – thân giáp bảng*:  Thân giáp bảng danh giá, uy nghi hóa ra chỉ được cắt dán, chắp vá từ những mảnh giấy vụn, giấy bỏ.

- *Nét son – mặt văn khôi:* mặt văn khôi quý hiển, rạng rỡ hóa ra lại được bôi quyệt, sơn vẽ từ vài nét son xanh đỏ.

=>Từ đây, tác giả đã khẳng định tính chất rẻ mạt, vô nghĩa của danh hiệu tiến sĩ trong hoàn cảnh đương thời.

**Câu 4:**

**-**Hai cụm từ “sao mà nhẹ”, “ấy mới hời” đã khẳng định giá trị rẻ mạt của ông nghè khi mang ra để cân đong đo đếm.

- Hai cụm từ cũng thể hiện thái độ châm biếm, nỗi đau xót khôn cùng của nhà thơ bởi thần tượng của cả một thể chế xã hội từng được vinh danh suốt mấy trăm năm bỗng chốc bị lật nhào, đổ vỡ tan tành.

=> Qua các cụm từ sao mà nhẹ, ấy mới hời, ta nhận thấy Nguyễn Khuyến có một phong cách châm biếm nhẹ nhàng mà thâm thuý, sâu cay. Tác giả cất tiếng cười với một nỗi chua chát ngấm ngầm, đối lập lại với sự hả hê, khoái chá của nhiều kẻ.

**Câu 5:** Bài thơ còn toát ra ý vị tự trào, bởi vì:

Nguyễn Khuyến là người học rộng, tài cao, có chí hướng, nỗ lực, bao năm dùi mài kinh sử và đỗ đầu ba kì thi mong phò vua giúp đời, tự xếp vào hàng *Cũng gọi ông nghè có kém ai*. Nhưng thời cuộc đã đẩy ông vào tình trạng bất lực. Nhìn thời thế đảo điên, chứng kiến bao nhiêu điều ngang tai trái mắt mà không thể làm gì được. Tâm trạng ấy đã khiến Nguyễn Khuyến tự coi mình cũng là một *Tiến sĩ giấy*, tự cười mình, chế giễu mình, có danh mà vô thực, tài năng, tâm huyết cũng chẳng ích gì trong buổi ấy.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

**- Nội dung:** Những suy nghĩ sâu sắc về mối quan hệ giữa danh và thực trong cuộc đời:

+ Danh (tên tuổi, danh tiếng…) và thực (thực lực, tài năng…) là hai khái niệm gắn liền với con người và xã hội. Đó cũng là hai phạm trù có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với nhau.

+ Danh luôn gắn với tài và đức. Có thực tài mới có thực danh. Có đức, có tài mới có danh. Phải coi trọng tài danh, thực danh, thanh danh, công danh... và đừng vì hám danh, háo danh mà làm méo mó nhân cách, mà đánh mất bản tính của mình.

**DẠNG 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đề bài 1:** “*Thu điếu” của Nguyễn Khuyến là điển hình hơn cả cho mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.* Phân tích bài thơ để làm sáng tỏ nhận định trên.

**Gợi ý dàn ý**

**1. Mở bài:**

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm
* Khái quát giá trị bài thơ “Thu điếu”trong chùm thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến, trích dẫn nhận định*.*

**2. Thân bài:**

***Bước 1: Giải thích nhận định***

“Điển hình”là những nét đặc điểm đặc trưng mà chỉ riêng một sự vật, hiện tượng đó có được. Nhận định nhấn mạnh bài thơ *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến đã chỉ ra và lột tả được hết những đặc trưng của mùa thu ở đồngbằng Bắc Bộ, không thể lẫn với vùng quê nào khác.

***Bước 2: Chứng minh nhận định***

Cùng nằm trong chùm thợ thu ba bài nhưng *Câu cá mùa thu* có những nét riêng trong cảm nhận và thể hiện cảnh thu.

*a. Điểm nhìn để cảm nhận cảnh thu* : Nếu ờ *Vịnh mùa thu* (Thu vịnh), cảnh thu được đón nhận từ cao xa tới gần rồi từ gần đến cao xa thì ở đây, cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao xa rồi từ caở xa trở lại gần : từ chiếc thuyền câu nhìn ra mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu. Từ một khung ao hẹp, không gian mùa thu, cảnh sắc mùa thu mở ra nhiều hướng thật sinh động.

*b*. *Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu cho nét riêng của mùa thu ở vùng đồng bằng Bắc Bộ:*

- Mùa thu với những nét dịu nhẹ thành sơ qua màu sắc, đường nét, qua sự kết hợp giữa hoà sắc, tạo hình. Màu sắc dịu nhẹ thanh sơ với nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt. Dịu nhẹ thanh sơ trong đường nét, chuyển động: sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng. Dịu nhẹ thành sơ trong hoà sắc tạo hình : “*Cái thú vị của bài Thu điếu ở  các điệu xanh, xanh áo, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi*”.

- Thơ xưa khi viết về mùa thu thường sử dụng những hình ảnh ước lệ như lá ngô đồng rụng “*Ngô đồng nhất diệp lạc – Thiên hạ cộng tri thu*“ (Một lá ngô đồng rụng – Biết mùa thu đã về), sen tàn, cúc nở (*Sen tàn cúc lại nở hoa* -Truyện Kiều), rừng phong lá đỏ (*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san* -Truyện Kiều). Trong công thức ước lệ, với nét bút sáng tạo, Nguyễn Khuyến đã vẽ nên một bức tranh thu “*điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam*” (Xuân Diệu). Từ “*tầng mây lơ lửng*” giữa trời thu xanh ngắt đến “*ao thu lạnh lẽo*” với sóng biếc “*hơi gợn tí*”, từ “*chiếc thuyền câu bé tẻo teo*” đến “*ngõ trúc quanh co khách vắng teo*”, tất cả đều thật, đều đúng là mùa thu nông thôn đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. Hơn thế, cảnh còn mang nét đặc trưng của vùng chiêm trũng Bình Lục quê hương nhà thơ: ao thu nhỏ, chiếc thuyền câu theo đó cũng bé tẻo teo và dáng người cũng như thu lại. Xuân Diệu cảm nhận về bài *Câu cá mùa thu*: “*Đọc lên, như thấy trước mắt làng cảnh ao chuôm nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, trong tiết thu ; rất là đất nước mình, có thật, rất sống, chứ không theo ước lệ như ở văn chương sách vở*”.

c. *Cảnh thu đẹp nhưng đượm buồn*

- Cảnh vắng và lặng – vắng người và lặng tiếng. “*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo*” như đi vào yên tĩnh, vắng teo là rất vắng, là không có biểu hiện hoạt động nào của con ngưòi. vắng teo không chỉ đơn thuần là vắng mà còn là lặng, là hiu hắt. Vắng đi với lặng. Không gian im ắng đến mức nhà thơ cảm nhận được độ vèo của chiếc lá khẽ rơi, nghe được tiếng cá đớp mồi dưới chân bèo đâu đó.

- Gam màu xanh làm nên “*các điệu xanh*” trong bức tranh Câu cá mùa thu. Từ “*xanh ao, xanh bờ, xanh sóng*” đến “*xanh tre, xanh trời, xanh bèo*”, tất cả đều gợi cảm giác xanh – trong và phần nhiều đều thuộc gam màu lạnh : độ xanh trong của nước, độ xanh biếc của sóng, độ xanh ngắt của trời. Mùa thu vắng, lặng, lạnh được cảm nhận qua tâm hồn một ngư ông – thi nhân đang trầm ngâm suy ngẫm về thời thế.

*d. Đặc sắc nghệ thuật miêu tả bức tranh thu:*

-  Cách gieo vần đặc biệt: vần " eo "(tử vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

- Lấy động nói tĩnh- nghệ thuật thơ cổ phương Đông.

- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.

***Bước 3: Khẳng định lại giá trị của bài thơ.***

**3. Kết bài**

**Đề bài 2*:*** Phân tích vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến qua bài thơ *Câu cá mùa thu.*

**Gợi ý**

**1. Mở bài**

Nguyễn khuyến được tôn vinh là nhà thơ của làng quê Bắc bộ. Ông yêu thiên nhiên mùa thu, yêu cảnh sắc đồng quê với tất cả tình quê nồng hậu. Đọc “Thu điếu”, ta cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn mà nhà thơ đã khéo léo ẩn giấu. Đó là tấm lòng đối với làng quê Việt Nam thiết tha và tâm sự của một nhà nho tài danh nhưng bất lực trước thời cuộc.

**2. Thân bài**

**\**Khái quát*:** Bài thơ “Câu cá mùa thu” không chỉ phác họa đầy sinh động bức tranh mùa thu ở một vùng quê Bắc Bộ. Qua bức tranh đó, nhà thơ còn gửi gắm những tâm sự thầm kín, những tình cảm riêng tư

***\*Tình yêu thiên nhiên gắn liền với tình cảm quê hương, đất nước:***

- Thơ viết về thiên nhiên, trước hết bộc lộ tình yêu thiên nhiên của tác giả. Để cảm nhận hết vẻ đẹp của thiên nhiên với những biểu hiện phong phú, đa dạng, tinh tế, nhà thơ đã cảm nhận bằng nhiều giác quan : thị giác, thính giác, xúc giác và thường là sự hoà trộn nhiều cảm giác (thị giác với thính giác : Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo, thị giác vói xúc giác: Ao thu lạnh lẽo nước trong veo).

- Thơ viết về thiên nhiên còn phản ánh tình cảm quê hương đất nước nếu đó là thiên nhiên của quê hương, Tổ quốc mình. Phải là người gắn bó sâu sắc và tha thiết vói quê hương, Nguyễn Khuyến mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của cảnh sắc quê hương, đồng thời thể hiện vẻ đẹp ấy bằng nét bút vừa chân thật, vừa tinh tế. Bức tranh Câu cá mùa thu mang được cái hồn dân tộc, vượt khỏi công thức,.ước lệ không chỉ bởi tài thơ mà còn bởi tình yêu thiên nhiên đất nước của tác giả.

\****Tâm trạng thời thế của một tâm hồn thanh cao:***

- Bài thơ có nhan đề là Câu cá mùa thu nhưng không chú ý vào việc câu cá mà thực ra là để đón nhận trời thu, cảnh thu vào cõi lòng. Cõi lòng nhà thơ yên tĩnh, vắng lặng. Vì vậy, việc cảm nhận cảnh vật đạt đến sự tinh diệu của nó.

Một ngư ông lại hững hờ với việc câu cá bởi đang nặng lòng trước thế sự. Tâm trạng tác giả qua bài thơ là một nỗi u hoài, u hoài nên thì khi trầm ngâm khi lại như giật mình thảng thốt : Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo ; Cá đâu đớp động dưới chân bèo. Nỗi u hoài từ tam canh toa lan ra ngoại cảnh, phủ lên cảnh vật vẻ thanh sơ đến hiu hắt. Không gian tĩnh lặng *ở Câu cá mùa thu* đem đến sự cảm nhận về một nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn nhà thơ. Vị Tam nguyên Yên Đổ về sống giữa làng quê, giữa cảnh đời thôn dã nhưng vẫn nặng lòng thời thế, vẫn suy nghĩ về hiện tình đất nước và âm thầm “thẹn” cho sự bất lực của chính mình.

- Đặt *Câu cá mùa thu* trong chùm thơ thu, với *Vịnh mùa thu* (Thu vịnh), *Uống rượu mùa thu* (Thu ẩm), ta càng thấy rõ tâm trạng thời thế của một tâm hồn thanh cao Nguyễn Khuyến. Ở bài *Vịnh mùa thu*, tác giả sống trong tâm trạng buồn đến thẫn thờ, ngơ ngẩn, mất cả ý niệm không gian, thời gian. Hoa nở năm nay mà ngỡ là hoa năm ngoái. Ngỗng kêu trên trời nước mình mà ngỡ ngỗng nước nào. Buồn đến nhân hứng” muốn viết thơ mà “nghĩ ra lại thẹn với ông Đào”. Nguyễn Khuyến thẹn với Đào Tiềm — danh sĩ đời Tấn vừa có tài thơ, vừa có nhân cách. Đào Bành Trạch không vì năm đấu gạo mà uốn gối khom lưng trước thói tục, đã treo ấn từ quan từ hồi còn trẻ. Tam nguyên Yên Đổ cũng đã vứt miếng đỉnh chung về ở ẩn tại quê nhà, nhưng so với Đào Tiềm ông vẫn tự cho mình là từ quan hơi muộn. Ở bài uống rượu mùa thu, Nguyễn Khuyến nói chuyện uống rượu nhưng thực ra là để đón nhận cảnh thu, để quên đi bao sự đời đau buồn, tủi hổ. Mượn chén rượu để thưởng thức thú ngắm cảnh, ngắm trăng, mượn “say” để nói “tỉnh”. Say thiên nhiên mà tỉnh trước sự đời. Đằng sau cái “say nhè” sau năm ba chén rượu là một tuý ông nặng lòng trước thời thế.

***\*Nghệ thuật:***

– Nghệ thuật tả cảnh và bộc lộ tâm trạng.

– Nghệ thuật sử dụng tiếng Việt điêu luyện.

***\*Đánh giá:***

Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến qua bài thơ *Câu cá mùa thu* tiêu biểu cho vẻ đẹp của các nhà nho chân chính đương thời. Qua bài thơ, người đọc nhận ra ở Nguyễn Khuyến một tâm hồn gắn bó với quê hương đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín nhưng không kém phần sâu sắc.

**3. Kết bài**

**Đề số 03:** Nghệ thuật sử dụng ngôn từ độc đáo của *Thu điếu*/ Sức hấp dẫn từ nghệ thuật sử dụng từ ngữ của *Thu điếu.*

Gợi ý

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu nhà thơ Nguyễn Khuyến và bài thơ Câu cá mùa thu (Thu điếu)

+ Nguyễn Khuyến (1838 – 1909), là người có tài năng, cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân sâu nặng.

+ Câu cá mùa thu nằm trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến. Bài thơ ghi lại cảm nhận và gợi tả tinh tế cảnh sắc mùa thu ở làng quê Bắc Bộ đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước, tâm sự thời thế kín đáo của Nguyễn Khuyến.

- Dẫn dắt vấn đề: Nghệ thuật sử dụng từ ngữ trong bài thơ.

**II. Thân bài**

- Nêu tóm gọn hoàn cảnh sáng tác và nội dung của chùm thơ thu, bài Thu điếu.

- Những từ ngữ gợi nên phong vị riêng của mùa thu Bắc Bộ:

+ Trong veo, biếc, xanh ngắt => tính từ

+ Gợn, khẽ đưa, lơ lửng => động từ

🡪 Gợi lên bức tranh mùa thu với những phong vị riêng của vùng quê Bắc Bộ Việt Nam: vẻ thanh sơ, dịu nhẹ

- Gợi lên nét đặc sắc của khung cảnh ao thu:

+ *Nước trong veo, sóng gợn tí*: sự tĩnh lặng, nước không chảy, đứng yên như một một kẻ “buồn thiu”.

+ “Bé” là nhỏ không lớn, chiếc thuyền câu bé tẻo teo lại nằm trên một cái ao nhỏ => gợi nên sự thu nhỏ của một không gian hẹp.

- *Khách vắng teo, bé tẻo teo, sóng hơi gợn, mây lơ lửng, lá khẽ đưa* => các chuyển động trong bài thơ đều rất nhẹ, rất khẽ dường như không đủ để tạo âm thanh.

- Một tiếng động tạo nên âm thanh duy nhất: *cá đớp động dưới chân bèo* => nhưng nó cũng chỉ có ý nghĩa càng làm tăng thêm sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật. Đây là cái động duy nhất để nhận ra tất cả không gian xung quanh đều yên ắng quá.

- Sử dụng độc vận “eo”: Cách gieo vần “eo” là một từ vận rất khó gò vào mạch thơ, ý thơ nhưng tác giả lại sử dụng rất tài tình, độc đáo. Vần “eo” góp phần diễn tả một không gian nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

**III. Kết bài**

- Nêu tóm lược lại vấn đề: ngôn từ được sử dụng rất tài tình, độc đáo.

- Gợi mở vấn đề.

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: SỬA LỖI VỀ TRẬT TỰ TỪ**

**lÀM**

**I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT: Nhắc lại kiến thức về sửa lỗi trật tự từ:**

**1. Khái niệm, các yêu cầu về sắp xếp trật tự từ trong câu:**

\*Khái niệm:

Trật tự từ được hiểu là thứ tự sắp xếp của từ trong câu

\*Yêu cầu của việc sắp xếp trật từ từ trong câu:

- Phải tuân theo quy tắc cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu.

- Nhằm phục vụ cho mục đích diễn đạt của người nói/viết:

+ thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hoạt động, đặc điểm.

+ nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

+ liên kết câu với những câu khác trong văn bản.

**2. Các lỗi thường gặp về trật tự từ**

* Sắp xếp từ ngữ không phù hợp với quy tắc cấu tạo từ, cấu tạo câu.
* Sắp xếp từ ngữ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt.

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**DẠNG 1. TRẮC NGHIỆM: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong câu thơ "*Xanh xanh bãi mía bờ dâu*" (Hoàng Cầm, *Bên kia Sông Đuống*) là gì?

A. Nhằm miêu tả vẻ đẹp của bãi mía bờ dâu.

B. Nhằm nhấn mạnh màu xanh tràn đầy sức sống của bãi mía bờ dâu.

C. Nhằm giúp người đọc hình dung ra màu sắc của bãi mía bờ dâu.

D. Cả A, B, C đều sai.

**Đáp án B**

**Câu 2.**Trật tự của câu nào thể hiện trước sau theo thời gian ?

A. Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập. (Nguyễn Trãi)

B. Đám than đã vạc hẳn lửa. (Tô Hoài)

C. Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị. (Nam Cao)

D. Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. (Nguyên Hồng)

**Đáp án A**

**Câu 3:** Trật tự từ của câu nào nhấn mạnh đặc điểm của sự vật được nói đến ?

A. Sen tàn cúc lại nở hoa. (Nguyễn Du)

B. Những buổi trưa hè nắng to. (Tô Hoài)

C. Lác đác bên sông chợ mấy nhà. (Bà Huyện Thanh Quan)

D. Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. (Kim Lân)

**Đáp án C**

**Câu 4:** Trật tự từ của dòng thơ nào góp phần tạo nên tính nhạc ?

A. Tranh Đông Hồ gà lơn nét tươi trong - Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp. (Hoàng Cầm)

B. Con lại về quê mẹ nuôi xưa - Một buổi trưa nắng dài bãi cát. (Tố Hữu)

C. Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối - Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan. (Thế Lữ)

D. Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm - Heo hút cồn mây súng ngửi trời. (Quang Dũng)

**Đáp án B**

**Câu 5:** Cho câu văn: “*Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn”* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*). Cách thay đổi vị trí cụm từ “nhanh như cắt” nào dưới đây làm biến đổi ý nghĩa của câu văn trên nhiều nhất ?

A. Chị Dậu nhanh như cắt nắm ngay được gậy của hắn.

B. Chị Dậu nắm nhanh như cắt gậy của hắn.

C. Chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn nhanh như cắt.

D. Nắm ngay được gậy của hắn, chị Dậu nhanh như cắt.

**Đáp án D**

**Câu 6**. Vì sao tác giả lại đảo cụm từ “nhanh như cắt” lên trước cụm chủ - vị trong câu văn “*Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn”* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)?

A. Để ca ngợi sự phản kháng quyết liệt của chị Dậu.

B. Để tô đậm hơn độ nhanh trong hành động nắm được gậy của chị Dậu.

C. Để câu văn có sự hài hoà về mặt ngữ âm.

D. Ca A, B C đều sai.

**Đáp án B**

**Câu 7:** [Tìm hiện tượng thay đổi trật tự thành phần câu trong hai câu thơ sau:  
 "Con đường nhỏ nhỏ, gió siêu siêu  
 Lả lả cành hoang, nắng trở chiều.”](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tim-hien-tuong-thay-doi-trat-tu-thanh-phan-cau-trong-hai-cau-tho-saucon-duong-69147)A. Con đường nhỏ nhỏ

B. Gió siêu siêu

C. Lả lả cành hoang

D. Nắng trở chiều

**Đáp án C**

**DẠNG 2: TỰ LUẬN**

**Bài tập 1:**  Đọc các câu sau:

a1. Chàng lẳng lặng ngồi dậy, tì trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. (Thạch Lam)

a2. Chàng cúi mình nhìn ra phía ao, lẳng lặng ngồi dậy, tì trên cửa sổ.

b1. Thanh lách cách cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. (Thạch Lam)

b2. Thanh nhẹ nhàng bước vào, lách cách cửa gỗ để khép.

c1. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam)

c2. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân của Nga xinh xắn, ngày nào, đi trên đó.

Câu a2, b2, c2 đã thay đổi trật tự từ so với câu a1, b1, c1. Việc thay đổi như vậy có phù hợp không? Vì sao?

***Gợi ý làm bài***

Việc thay đổi trật tự từ như vậy là không phù hợp. Bởi:

- Với câu a2, b2 không đảm bảo được về logic ngữ nghĩa của câu.

- Với câu c2 không đảm bảo về ngữ pháp trong câu.

**Bài tập 2:**  Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu và câu in đậm dưới đây:

a) Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang thời đại **Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,…** Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

(Hồ Chí Minh, Tinh thần yêu nước của nhân dân ta)

b)                                                **Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!**

       Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt

**Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát**

       Chuyến phà dào dạt bến nước bình ca.

(Tố Hữu, Ta đi tới)

c) - Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hay đội con gái thì khốn.

- **Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần.**

(Nguyễn Công Hoan, Người ngựa, ngựa người)

d) Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

**Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ:**

- Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

(Ngô Tất Tố, Tắt đèn)

***Gợi ý làm bài***

a) Trật tự từ được sắp xếp theo thứ tự xuất hiện của các vị anh hùng trong lịch sử (thứ tự thời gian).

b) - Cụm từ Đẹp vô cùng được đặt lên trước hô ngữ Tổ quốc ta ơi để nhằm nhấn mạnh cảm xúc tự hào trước sự rạng ngời, tươi đẹp của non sông sau ngày giải phóng.

- Trong khi đó, từ hò ô được đảo lên trước tiếng hát để hiệp vần với từ sông Lô trước đó nhằm tạo ra âm hưởng kéo dài, gợi ra sự mênh mông của sông nước. Đồng thời cũng giúp cho từ tiếng hát hiệp vần với câu thơ trước (ngào ngạt). Trật tự từ được sắp xếp như vậy là nhằm đảm bảo sự hài hoà về âm điệu cho thơ.

c) Cụm từ Mật thám và đội con gái được nhà văn Nguyễn Công Hoan xếp lên đầu hai vế của câu in đậm là để tương ứng với trình tự xuất hiện của những từ này ở câu trước.

d) Tác giả chọn trật từ từ như câu in đậm là để đảm bảo sự liên kết với các câu trước và sau câu đó. Đồng thời cách sắp xếp như vậy cũng có tác dụng nhấn mạnh sự hung hãn của nhân vật tên cai lệ.

**Bài tập 3:** Chỉ ra và sửa lại lỗi về trật tự từ trong các câu sau:

a. Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có duy nhất ở Việt Nam trên kênh VTC.

b. Tên trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm ở trụ sở công an.

c. *Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.*

d. Anh ấy đóng cửa lại, từ tốn nói lời chào tôi rồi đi vào nhà.

đ. Đây là bộ phim về ngày tận thế nổi tiếng của Mỹ.

e. Trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp kiên cường, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.

f. *Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.*

g. *Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.*

***Gợi ý làm bài***

*a*. Lỗi: sắp xếp từ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt, cụ thể sắp xếp vị trí trạng ngữ “ở Việt Nam” không phù hợp, gây hiểu lầm là Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ tổ chức duy nhất ở Việt Nam.

Chữa lại: Ở Việt Nam, giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có duy nhất trên kênh VTC.

b. Lỗi: sắp xếp từ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt, cụ thể sắp xếp vị trí trạng ngữ “ở trụ sở công an” không phù hợp, gây hiểu lầm là tên trộm thực hiện nhiều vụ trộm ngay tại trụ sở công an.

Chữa lại: *Ở trụ sở công an, tên* trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm .

*c.* Lỗi: các từ trong câu văn được sắp xếp chưa hợp lý.

Chữa lại: *Bằng trí tưởng tượng của mình, nhà thơ đã mượn ngôn từ để tái hiện một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.*

d. Lỗi sai: sắp xếp các hành động không theo một trình tự hợp lí.

Chữa lại: Anh ấy từ tốn nói lời chào tôi rồi đi vào nhà, đóng cửa lại.

đ. Lỗi sai: sắp xếp trật tự từ không hợp lí (cum từ nổi tiếng của Mỹ đặt ở cuối câu bổ sung ý nghĩa cho ngày tận thế gây ra nhầm lẫn).

Chữa lại: Đây là bộ phim nổi tiếng của Mỹ về ngày tận thế.

e. Lỗi sai: Sắp xếp trật tự từ không hợp lí (kiên cường đặt sau thực dân Pháp gây hiểu nhầm là *kiên cường* bổ sung ý nghĩa cho *thực dân Pháp*).

Chữa lại: Trong cuộc đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.

f. Lỗi sai: sắp xếp các từ không phù hợp với quy tắc cấu tạo cụm từ khi từ “ngay”được đặt sau danh từ “cái mới”. Từ “ngay” là phó từ, dùng sau động từ để biểu thị mức độ nhanh chóng.

Chữa lại: *Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được ngay cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử.*

g. Lỗi: sắp xếp các từ không phù hợp với quy tắc cấu tạo câu.

Chữa lỗi: *Thơ Đường luật mặc dù có bố cục chặt chẽ nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.*

**Bài tập 4**: Vì sao các cụm từ in đậm dưới đây được đặt ở đầu câu?

a, Cùng lắm, nó có giở quẻ, hắn cũng chỉ đến đi ở tù. ***Ở tù*** thì hắn coi là thường.

(Nam Cao - *Chí Phèo*)

b, Nguyễn Tuân có một kho từ vựng hết sức phong phú mà ông đã cần cù tích lũy. ***Vốn từ vựng*** *ấy*, trước Cách mạng tháng Tám, ông thường dùng để chơi ngông với đời.

(Theo Nguyễn Đăng Mạnh, *Nhà văn Việt Nam hiện đại-chân dung và phong cách*)

c) **Một đêm khuya,** Mị nghe tiếng gõ vách [...]. Mị vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mị rồi bịt mắt cõng Mị đi.

***Sáng hôm sau***, Mị mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lí Pá Tra...

(Tô Hoài - Vợ chồng A Phủ)

**Gợi ý làm bài**

a, Cụm từ ***Ở tù*** được lặp lại ngay ở đầu câu thứ hai để liên kết ý nghĩa giữa câu đó với câu một được chặt chẽ hơn .

b, Cụm từ ***Vốn từ vựng ấy***được lặp lại ở đầu câu hai để liên kết ý nghĩa của câu ấy với câu thứ nhất thêm chặt chẽ.

c, Trong đoạn văn này, trạng ngữ chỉ thời gian (***Một đêm khuya***) được đặt ở đầu câu vì nó phải đảm nhận chức năng nêu hoàn cảnh thời gian cho các sự kiện xảy ra sau đó (Mị bị bắt rồi bị đưa đi). Trong khi đó, ở câu tiếp theo, phần trạng ngữ chỉ thời gian (***Sáng hôm sau***) vừa có tác dụng như trạng ngữ ở câu trên lại vừa có tác dụng liên kết câu. Người ta không thể đặt nó ở cuối câu hay giữa câu, vì như thế câu văn sẽ mất sự liên kết và các sự kiện được kể không liền mạch.

**Bài tập 5:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của hiện tượng đảo trật tự từ trong các câu sau:

*a)**Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều*

*Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo*

*Núi không đè nổi vai vươn tới*

*Lá ngụy trang reo với gió đèo...*

*(*Tố Hữu*)*

*b) Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

*Đã sáng lại trời thu tháng Tám*

*Trên đường ta về lại Thủ đô*

*Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!*

(Tố Hữu)

b)

*Trong xanh ánh mắt*

*Trong vắt nhãn lồng*

*Chim ăn nhãn ngọt*

*Bồi hồi nhớ ông*!

(Trần Kim Dũng)

c)

*Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa bưởi*

*Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương*

…

*Đẹp lắm anh ơi! Con sông Ngàn Phố!*

*Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau!*

(Tô Hùng)

***Gợi ý làm bài***

a,Phép đảo trật tự từ***:*** *Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều*

Tác dụng: nhằm nhấn mạnh vẻ đẹp của anh Vệ quốc quân ngoài mặt trận (Tây Bắc).

b, Phép đảo trật tự từ***:*** *Trong xanh ánh mắt* - *Trong vắt nhãn lồng*

Tác dụng: nhằm nhấn mạnh vẻ đẹp trong trẻo của kí ức tuổi thơ.

c, Phép đảo trật tự từ***:*** *Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương*

Tác dụng: nhằm nhấn mạnh sắc trắng tinh khôi, đẹp đẽ, bạt ngàn của hoa bưởi rụng nơi vườn nhà mỗi mùa xuân.

**Bài tập 6:** Dùng biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm.

a) Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.

b) Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thiết tha dịu dàng.

c) Một biển lúa vàng vây quanh em, hương lúa chín thoang thoảng đâu đây.

d) Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay lững thững về tô.

***Gợi ý làm bài***

a) *Xanh biêng biếc* nước sông Hương, *đỏ rực hai bên bờ* màu hoa phượng vĩ.

b) Giữa trời khuya tĩnh mịch, *vằng vặc trên sông* một vầng trăng, *thiết tha dịu dàng* một giọng hò mái đẩy.

*c) Vây quanh em* một biển lúa vàng, *thoang thoảng đâu đây*hương lúa chín.

d) Xa xa, *nhấp nhô* những ngọn núi, *thấp thoáng* mấy ngôi nhà, *lững thững* vài cánh chim chiều bay về tổ.

**Bài tập 7:**

* Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy phân tích và sửa chữa các lỗi về trật tự từ (nếu có).
* Sưu tầm các trường hợp vi phạm lỗi dùng từ hoặc trật tự từ trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi sai và đưa ra phương án sửa chữa.

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I**. **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Khái niệm và đối tượng nghiên cứu**

**-** *Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề* là viết thu hoạch sau khi nghiên cứu về một đề tài đã được thực hiện.

- Vấn đề nghiên cứu rất đa dạng, phong phú, bao gồm:

+ Vấn đề đặt ra trong học tập gắn với môn học.

+ Vấn đề xuất phát từ thực tiễn cuộc sống, đã và đang đặt ra trong cuộc sống.

**2. Các bước để viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề**

- **Chọn vấn đề** nghiên cứu: Lựa chọn một vấn đề cần phải tổng kết, làm rõ thêm trong các bài học hoặc một vấn đề có ý nghĩa đặt ra từ cuộc sống.

- Tiến hành nghiên cứu theo một **tiến trình**:

+ Xác định mục đích và cách thức nghiên cứu

+ Thu thập và lựa chọn tài liệu

+ Ghi chép, sử dụng các công cụ tra cứu như từ điển, sách, báo, Internet,…

+ Tổng hợp kết quả nghiên cứu

* Xây dựng **dàn ý** (đề cương) của báo cáo kết quả nghiên cứu.

**3. Dàn ý (đề cương) của báo cáo kết quả nghiên cứu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần mở đầu** | * Nêu vấn đề (đề tài) được lựa chọn để nghiên cứu. * Lí do, mục đích và phương pháp nghiên cứu. |
|  | |
| **Phần nội dung** | * Lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu. Triển khai các lí lẽ, dẫn chứng, lập luận chứng minh cho các luận điểm được nêu ra. * Có thể trích dẫn ý kiến người khác, cước chú, lập bảng biểu, thống kê về đối tượng nghiên cứu để chứng minh tính chính xác cho lập luận. * Tạo sự so sánh cần thiết với các đối tượng nghiên cứu khác để tạo nên cự hấp dẫn và thuyết phục cho báo cáo. |
|  | |
| **Phần kết luận** | * Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã được trình bày. * Nêu các đề xuất, khuyến nghị của người nghiên cứu (nếu có). |

**4. Yêu cầu đối với người viết báo cáo**

- Cần mạnh dạn tìm tòi, cố gắng để có những phát hiện của riêng mình.

- Tránh việc đạo văn hoặc vay mượn ý kiến người khác mà không dẫn nguồn tài liệu.

- Có thể sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ phù hợp trong báo cáo.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

**Em hãy viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một trong hai vấn đề sau:**

**Đề 01:** Hình ảnh người phụ nữ trong các bài thơ của Hồ Xuân Hương.

**Đề 02**: Kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả của học sinh THPT

**🡺GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho mỗi đề:**

(GV có thể giao lập dàn ý theo nhóm, mỗi nhóm làm 01 đề và cử đại diện trình bày)

**Đề 01:** Em hãy viết báo cáo kết quả nghiên cứu về vấn đề hình ảnh người phụ nữ trong các bài thơ của Hồ Xuân Hương

**Dàn ý**

1. **Đặt vấn đề**

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Hồ Xuân Hương là một hiện tượng hết sức độc đáo: nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian, từ đề tài, cảm hứng, đến ngôn ngữ, hình tượng. Nổi bật trong thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói thông cảm đối với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp và khát vọng của họ. Người phụ nữ hiện lên trong thơ Hồ Xuân Hương mang số phận bất hạnh, họ là nạn nhân của xã hội phong kiến, chịu sự trói buộc của những lễ giáo phong kiến nhưng họ vẫn mang trong mình những nét đẹp đáng quý.

1. **Giải quyết vấn đề**

Trong thơ bà, người ta thấy hiện lên hai hình ảnh của người phụ nữ: khổ đau và bản lĩnh. Tất cả đều bắt nguồn từ việc bà ý thức được về vẻ đẹp của giới mình nhưng cũng ý thức được về hoàn cảnh xã hội mà những người phụ nữ như bà đang phải sống. Người phụ nữ đẹp cả về hình dáng lẫn tâm hồn nên họ xứng đáng được ngợi ca nhưng cũng vì vẻ đẹp ấy, họ phải gánh chịu biết bao bất công trong một xã hội thực dân phong kiến trọng nam khinh nữ thối nát. Hồ Xuân Hương, bằng bản lĩnh mình, đã lên tiếng nói về lòng mình mà cũng là nói hộ cho nỗi lòng của biết bao người phụ nữ ấy trong xã hội phong kiến.

* 1. **Hình ảnh người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương mang trong mình vẻ đẹp, tài năng và bản lĩnh cá nhân.**

Viết về những người cùng giới, Hồ Xuân Hương không chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp hình thức mà còn là sự hài hòa giữa vẻ đẹp về hình thức và vẻ đẹp tâm hồn. Đó là vẻ đẹp trắng trong, tinh khiết:

“Hỏi bao nhiêu tuổi hỡi cô mình

Chị cũng xinh mà em cũng xinh

Đôi lứa như in tờ giấy trắng

Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh”.

Vẻ đẹp trong trắng, hồn nhiên ấy như được chạm khắc vào thời gian một cách vĩnh cửu. Không chỉ vậy, đó còn là vẻ đẹp khác lạ: lạ lùng, thanh tân, có đường nét, hình khối, “một vẻ đẹp đầy sức sống, một vẻ đẹp đang lên men” (Nguyễn Đức Bính):

“Lược trúc biếng cài trên mái tóc

Yếm đào trễ xuống dưới nương long

Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm

Một lạch đào nguyên suối chửa thông”.

Vẻ đẹp phồn thực nhưng lại hết sức hồn nhiên, trong sáng nên có sức mê hoặc lòng người, vẻ đẹp ấy không phải người phụ nữ nào trong xã hội đó cũng dám lên tiếng khẳng định. Không chỉ khẳng định vẻ đẹp về hình thức, Hồ Xuân Hương còn rất chú trọng đến vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ:

“Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son”.

Miêu tả về chiếc bánh trôi và các công đoạn làm bánh, Hồ Xuân Hương đã không ngần ngại liên tưởng đến hình ảnh của người phụ nữ để từ đó khẳng định vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu của họ. Bài thơ ẩn chứa những ngậm ngùi về thân phận nhưng vượt lên trên tất cả vẫn là lời khẳng định phẩm giá đầy kiêu hãnh: dù số phận có lênh đênh vất vả nhưng tấm lòng trinh bạch, son sắt thì vẫn không bao giờ thay đổi. Một điểm thú vị nữa có thể coi là một hiện tượng chỉ có ở Hồ Xuân Hương đó là bà ca ngợi người phụ nữ ở những vẻ đẹp phồn thực nhất, không ngần ngại khi nhắc đến cả những điều trần tục. Người phụ nữ đẹp bởi tất cả những gì vốn thuộc về họ. Họ có vẻ đẹp trong sáng, thuần khiết, và căng tràn nhựa sống. Đó là cái đẹp được nhà nghiên cứu gọi là cái đẹp trần thế luôn cựa quậy, khiến cho... đứng ngồi không yên biết bao bậc tu mi nam tử. Nhưng nói về vẻ đẹp của người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương từng ấy thôi chưa đủ.

Người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương không chỉ đẹp, đó còn là những người phụ nữ thông minh, tài năng, sắc sảo, nhanh nhẹn và đầy bản lĩnh.Người phụ nữ của bà dám “ghé mắt trông ngang” để mà mỉa mai về “sự anh hùng”:

“Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo

Kìa đền Thái thú đứng cheo leo

Ví đây đổi phận làm trai dược

Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?”.

Đền chùa là nơi thuộc về tâm linh, thường được kính trọng, thế nhưng với ngôi đền thờ tên tướng giặc sầm Nghi Đống, Hồ Xuân Hương lại bộc lộ một thái độ khinh bỉ, thiếu trân trọng đến ngang ngược. Bà chỉ “ghé mắt”, chỉ “trông ngang” bởi thấy cái “sự anh hùng” của sầm Nghi Đông chỉ tầm thường một cách đáng thương. Thi sĩ nói tất cả những điều đó với sự tự tin vào khả năng của bản thân, một sự bản lĩnh cũng là một kì tích mà thậm chí đến cả đấng nam nhi không phải ai cũng có thể làm được. Chân dung người phụ nữ bản lĩnh, cá tính, thông minh dường như không lúc nào mờ nhạt. Thế nên mới có một Hồ Xuân Hương xưng “chị” mà lớn tiếng “Mắng lũ học trò dốt” tưởng rằng có học nhưng cũng chỉ là những kẻ tầm thường, đáng bị đưa ra để cười cợt. Và một Hồ Xuân Hương, mời trầu người ta nhưng cũng theo một cách riêng đầy bản lĩnh:

“Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi

Này của Xuân Hương đã quệt rồi

Có phải duyên nhau thì thắm lại

Đừng xanh như lá, bạc như vôi”.

Mời trầu, mời duyên, một lời mời rất dân dã nhưng người mời không lúc nào đánh mất đi sự chủ động của mình. Đem miếng trầu ra mời có sự tha thiết nhưng lại không tha thiết một chút nào. Người phụ nữ ở đây mời trầu những lòng vẫn đầy nghi ngờ. Mời nhưng vẫn giữ cho mình một tư thế chủ động tuyệt đối, bởi tâm chân tình của người mời là có thực, chỉ sợ rằng tình người đen bạc lại phụ mất tấm chân tình đó mà thôi. Đó là cách mời rất Xuân Hương nhưng cũng là cách mời khiến cho người đời phải trăn trở, nghĩ suy.

Khẳng định vẻ đẹp, tài năng và bản lĩnh của mình, Hồ Xuân Hương cũng lên tiếng ngợi ca, khẳng định vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội đó. Tuy vẫn có một chút buồn tủi song trên hết vẫn là sự thông minh, tự tin, bản lĩnh hiếm có và một nét riêng không thể trộn lẫn trong cá tính Hồ Xuân Hương. Đọc thơ bà, người ta bắt gặp hình ảnh một người phụ nữ bản lĩnh, gai góc, dám lên tiếng khẳng định vẻ đẹp và tài năng của mình, vượt lên trên những định kiến và sự hạn chế của xã hội phong kiến; một người phụ nữ dám ném thẳng vào xã hội, vào mặt những kẻ đàn ông nhưng không đáng mặt trượng phu những tràng cười mỉa mai, khinh bỉ, hạ chúng xuống hàng của những kẻ tầm thường, không hơn, không kém; người dám lên tiếng không những bảo vệ mình mà còn là bảo vệ giới mình, bảo vệ thân phận những người phụ nữ; một người phụ nữ với những phút giây “tự tình” đầy xúc cảm chân thành...

* 1. **Người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương là những nạn nhân của xã hội phong kiến**

Người phụ nữ của Hồ Xuân Hương mang vẻ đẹp cả về hình thể và tâm hồn, lẽ ra, họ phải nhận được hạnh phúc xứng đáng. Vậy mà “Hồng nhan bạc phận”, trong xã hội đó, họ lại luôn phải chịu những điều bất hạnh. Đồng cảm với họ, thơ Hồ Xuân Hương còn là tiếng nói cảm thương chân thành. Hồ Xuân Hương không quan tâm đến những người phụ nữa gặp may mắn trên đường đời, cũng không quan tâm đến những người phụ nữ nơi lầu son gác tía - đề tài quen thuộc trong thơ văn trung đại mà chỉ quan tâm đến những người phụ nữ lao động bình thường chịu nhiều thua thiệt trong cuộc đời. Thơ bà thể hiện sự cảm thương sâu sắc, thương cho người và cũng là thương cho mình. Thơ bà có hẳn hai mảng về nỗi bất hạnh của người phụ nữ, trong tình yêu và trong cuộc sống gia đình. Bản thân Hồ Xuân Hương cũng là một người phụ nữ chịu nhiều bất hạnh về tình duyên: hai lần làm lẽ và cả hai lần tình duyên đều không trọn vẹn. Hơn ai hết, bà thấm thía cảnh duyên phận hẩm hiu, nỗi cô đơn và bất hạnh của những người bị ông tơ bà nguyệt trêu đùa. Hồ Xuân Hương đã “tự tình”, “tự thán” để nói lên tình cảnh và tâm trạng của mình, cũng là nói thay cho bao người phụ nữ khác.

“Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh

Giữa dòng ngao ngán nỗi lênh đênh”.

Thân phận người phụ nữ cũng lênh đênh, lận đận như chiếc thuyền giữa dòng, mãi mà chưa thể tìm được chốn neo đậu bình yên. Nỗi ngao ngán vì tình duyên muộn mằn khiến cho người phụ nữ dường như chán nản: “Ấy ai thăm ván cam lòng vậy/ Ngán nỗi ôm đàn những bấp bênh”. Vậy nhưng thời gian vẫn trôi đi không trở lại, để cho họ ở đó, giữa đêm khuy thanh vắng để đối diện với tình cảnh buồn thảm và éo le của mình:

“Canh khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non

(...) Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con”

“Mảnh tình san sẻ tí con con” đó là một mảnh tình không trọn vẹn. Đã chỉ là “mảnh tình thôi” lại còn bị san sẻ đến “con con”. Có một cái gì đó chua chát, ngán ngẩm, bẽ bàng, cô độc đến đáng thương, đến tội nghiệp. Có lúc, nó được đẩy lên thành nỗi oán hận, không thể nào giải tỏa hết được, giận bởi đời, giận bởi số kiếp mình hẩm hiu, giận vì “duyên để mõm mòm”. Ngay cả khi với bản lĩnh của mình, Hồ Xuân Hương vẫn nói lên lời thách thức cuộc đời: “Thân này đâu đã chịu già tom” nhưng sâu xa, người ta vẫn cảm nhận được tình cảnh đáng thương và những nỗi niềm thầm kín sâu sắc của một người phụ nữ tình duyên bất hạnh. Tiếng nói cá nhân nhưng lại có ý nghĩa đại diện sâu sắc cho số phận của biết bao người phụ nữ trong xã hội thời bà, những người ý thức được về mình nhưng lại không được làm chủ cuộc đời và số phận của chính mình.

Không chỉ vậy, Hồ Xuân Hương còn lên tiếng tố cáo, bênh vực người con gái vì “cả nể” mà phải mang trong mình “khối tình con”, nhận biết bao điều tiếng.

“Cả nể cho nên hóa dở dang

Nỗi niềm chàng có biết chăng chàng?”

Người con gái biết mình có lỗi nhưng không cho đó là cái tội, mà chỉ vì sự cả nể. Nàng nghĩ đến cái nghĩa trăm năm để đầy bao dung, oán giận nhưng vẫn sẵn sàng tha thứ và đầy hi sinh, kiên cường trước búa rìu dư luận. Trong một xã hội mà những người phụ nữ như nàng bị khinh rẻ, bà lại lớn tiếng khẳng định: “Không có nhưng mà có mới ngoan”. Không phải ca ngợi, không phải đồng tình, mà đó chỉ là sự cảm thông, che chở. Hồ Xuân Hương đã rất thấu tình đạt lí khi bao bọc cho người con gái lỗi lầm kia.

Không chỉ chú ý đến những bất hạnh của người phụ nữ trong tình yêu, nữ thi sĩ họ Hồ còn chú ý đến những bất hạnh của người phụ nữ trong cuộc sống vợ chồng mà chỉ yếu là ở cảnh làm lẽ, nói chung cho người phụ nữ và mang cả dấu ấn cuộc đời của Hồ Xuân Hương:

“Kể đắp chăn bông kẻ lạnh lùng

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung

Năm thì mười họa chăng hay chớ

Một tháng đôi lần có cũng không

Cố đấm ăn xôi xôi lại hỏng

Cầm bằng làm mướn, mướn không công

Thân này ví biết dường này nhỉ

Thà trước thôi đành ở vậy không”.

Hồ Xuân Hương đã không ngần ngại khi nói đến những chuyện tế nhị trong hạnh phúc vợ chồng. Bi kịch của người phụ nữ được bà chú ý ở đây là danh phận là vợ nhưng thân phận lại như con ở - một thứ con ở không công, vậy mà cũng chỉ biết oán thán, chịu đựng. Đau đớn hơn nữa còn là sự thiếu thốn tình cảm vợ chồng, là cảm giác cô đơn lạnh lẽo ngay giữa chính căn nhà mà mình đang ở. Hồ Xuân Hương đã từng làm lẽ hai lần. Nỗi bất hạnh của cảnh “Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng” không phải là hiếm trong xã hội phong kiến mà chắc hẳn bà đã là người ít nhiều trải nghiệm. Hồ Xuân Hương là kiểu người không chịu cúi đầu mà khóc, không chỉ với bản thân mình mà với người khác nữa. Bà đứng trước đau khổ người khác, không phải để góp thêm nước mắt mà để vỗ về, dìu họ ra khỏi đau thương.

1. **Kết luận**

**“**Hồ Xuân Hương là một nhà thơ đầy sáng tạo. Các nghệ sĩ tài năng vừa tuân thủ thi pháp thời đại mình, vừa vi phạm các quy tắc ấy và sáng tạo phong cách của riêng mình. Hồ Xuân Hương sáng tạo một phong cách thơ Đường mới, một thế giới đời thắm tươi, một thiên nhiên tràn đầy sức sống, một triết lý tự nhiên của cuộc đời trần thế, của trực giác, cảm giác, bản năng, của say mê,...” (Đỗ Đức Hiểu). Viết về hình ảnh và thân phận của người phụ nữ một cách sâu sắc và đầy bản lĩnh, Hồ Xuân Hương không chỉ nói về thân phận của mình mà còn là tiếng nói cảm thông với số phận bất hạnh của những người phụ nữ ý thức được vẻ đẹp hình thể và tâm hồn mình nhưng phải chịu đựng biết bao bất công trong xã hội. Tiếng nói ấy sẽ còn tìm được sự đồng cảm và đón nhận của những người phụ nữ nói riêng và con người nói chung trong mọi thời đại.

**Tài liệu tham khảo**

1. Xuân Diệu (1969), *Hồ Xuân Hương - Bà Chúa thơ Nôm*, NXB GD

2. Đặng Thanh Lê (1990), *Hồ Xuân Hương và dòng thơ Nôm luật Đường,* NXB GD

3. Lê Trí Viên (1998), *Nghĩ về thơ Hồ Xuân Hương*, NXB GD

4. Đỗ Lai Thúy (1999), *Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực,* NXB GD

5. Nguyễn Đăng Na (2003), bài viết *Thơ Hồ Xuân Hương với văn học dân gian,,* cuốn *Hồ Xuân Hương về tác gia và tác phẩm*, NXB GD

6. Đỗ Đức Hiểu, (2003), bài viết *Thế giới thơ Nôm Hồ Xuân Hương,* cuốn *Hồ Xuân Hương về tác gia và tác phẩm*, NXB GD

**Đề 02**: Em hãy viết báo cáo kết quả nghiên cứu về kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả của học sinh THPT

**Dàn ý**

**1. Đặt vấn đề**

Thời gian không bao giờ quay trở lại cho dù mỗi ngày đều lặp đi lặp lại 24 giờ cho mỗi chúng ta. Nếu bạn bận bịu với công việc suốt cả ngày mà công việc chẳng đi đến đâu, chắc chắn bạn đã quên mất tầm quan trọng của quản lý thời gian. Kĩ năng quản lý thời gian có ý nghĩa quan trọng với tất cả mọi người, trong đó có học sinh THPT.

**2. Giải quyết vấn đề**

## **2.1. Kỹ năng quản lý thời gian là gì?**

## **-** Kỹ quản lý thời gian là [**kỹ năng mềm**](https://wiindi.net/ky-nang-mem-la-gi-top-cac-ky-nang-mem-huu-ich-nhat-2021-aid2154.html) giúp bạn sử dụng thời gian một cách hiệu quả mang lại năng suất cao

## - Quản lý thời gian là:

+ Quá trình sắp xếp, lên kế hoạch các công việc cần làm và thời gian hoành thành.

+ Các kế hoạch có thể được thiết kế theo buổi (sáng, trưa, chiều, tối), theo ngày ( kế hoạch cả một ngày, kế hoạch 3 ngày,…), theo tuần (các ngày trong tuần), theo tháng hoặc theo năm,… tùy vào mục đích, mục tiêu của người thiết kế.

**2.2. Sự cần thiết của kĩ năng quản lí thời gian**

***Giúp mỗi bạn HS chạy nhanh đến mục tiêu đã đặt ra***

Để đi đến thành công nhanh nhất, ít tốn thời gian và công sức thì một lộ trình rõ ràng là không thể thiếu. Người có kế hoạch rõ ràng, khoa học sẽ đạt thành công nhanh hơn, tốt hơn so với những người không có kế hoạch. Không có kế hoạch, làm theo cảm tính khả năng gặp thất bại là rất lớn.

Với một kế hoạch sử dụng thời gian khoa học, bạn sẽ tự tin hơn khi thực hiện kế hoạch. Bạn sẽ cảm nhận con đường tới thành công ngắn hơn khi kế hoạch đang dần được hoàn thành, đạt được thành công từng bước.

***Giảm áp lực học tập***

Quá tải các bài tập, các nhiệm vụ khiến bạn rơi vào tình trạng mệt mỏi, chán nản. Điều này sẽ làm giảm hiệu quả học tập của bạn. Kết quả học tập, sức khỏe thể chất và tinh thần đều không được đảm bảo tác động tiêu cực đến cuộc sống.

Quản lý thời gian tốt sẽ giúp bạn giảm áp lực học tập. Mọi công việc khi được phân bổ hợp lý trong kế hoạch, bạn sẽ không bị rơi vào tình trạng quá tải. Tâm thế học tập ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của bạn. Tâm thế thoải mái giúp bạn giải quyết nhanh chóng các nhiệm vụ mà GV giao, các mục tiêu bạn đặt ra cả ngắn hạn và dài hạn, sức khỏe sẽ không phải chịu các gánh nặng tâm lý.

***Nâng cao hiệu quả học tập***

Cùng một khối lượng nhiệm vụ học tập, một khoảng thời gian như nhau nhưng kết quả học tập của mỗi học sinh lại không giống nhau. Học sinh có khả năng quản lý thời gian tốt hơn sẽ hoàn thành công việc một cách khoa học, đúng thời hạn với chất lượng tốt. Ngược lại, người không biết sử dụng thời gian, “nước tới chân mới nhảy” luôn trong tình trạng bất mãn, chạy đua với nhiệm vụ, kết quả mang lại không được như mong muốn.

Tối ưu thời gian học tập, cân bằng giữa thời gian học tập và thời gian vui chơi, bạn sẽ thấy việc học thoải mái hơn, dễ dàng hơn, hiệu quả đem lại cao hơn. Quản lý thời gian thông minh là cách tạo nên sự khác biệt của bạn với mọi người. Khác biệt để thành công.

***Tạo sự cân bằng trong cuộc sống***

Thời gian dành cho việc học, thời gian dành cho gia đình, thời gian chỉ dành riêng cho bản thân,… Mỗi ngày đều chỉ có 24 giờ nhưng mỗi người chúng ta phải sử dụng thời gian cho rất nhiều các hoạt động, các đối tượng.

Tập trung thời gian cho học tập, không dành thời gian yêu thương gia đình, thời gian cho bản thân,… Tập trung cho bản thân quên mất việc học tập. Đây là biểu hiện của mất cân bằng cuộc sống.

Mất cân bằng trong một thời gian dài ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần con người. Mệt mỏi, stress liên tục sẽ tiêu diệt các năng lượng tích cực.

Học sinh không thể bỏ việc học tập, không thể bỏ gia đình, không thể bỏ bản thân. Học tập nhưng cũng cần giải trí, nghỉ ngơi, tương tác với mọi người nhưng đôi lúc cũng cần khoảng thời gian riêng một mình. Quản lý thời gian tốt sẽ giúp bạn cân bằng cuộc sống: giữa học tập, công việc, cuộc sống gia đình, cá nhân, học tập và nghỉ ngơi,…

***Hạn chế thói quen xấu***

Trì trệ, trì hoãn công việc là thói quen xấu. Nó không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân bạn mà còn ảnh hưởng đến mọi người xung quanh. Việc lên một thời gian biểu phù hợp, sẽ giúp bạn hạn chế các thói quen không tốt, biết nói “không” với những công việc không cần thiết. Ngoài ra, quản lý tốt thời gian còn tạo động lực cho bạn làm những công việc lớn hơn.

**2.3. Cách sử dụng thời gian hiệu quả**

***Những yếu tố gây lãng phí thời gian***

Nhận thức được những yếu tố gây lãng phí thời gian giúp sử dụng thời gian hiệu quả hơn. Các yếu tố gây lãng phí có thể là yếu tố khách quan, chủ quan như:

* Môi trường học tập bữa bộn: mất thời gian cho việc tìm kiếm tài liệu,…
* Những người có tính trì hoãn xung quanh: tiếp xúc, dành quá nhiều thời gian cho họ sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch của bạn, lãng phí thời gian, bị ảnh hưởng tâm lý trì hoãn.
* Ngại nói “không” với mọi người: bạn không biết cách từ chối sự nhờ vả của người khác sẽ khiến kế hoạch bị phá vỡ, tiêu tốn thời gian những công việc không cần thiết, không đủ thời gian làm công việc của mình,…
* Giao tiếp kém: không biết dừng câu chuyện đúng lúc, không biết cách đi thẳng vấn đề, dễ bị mất tập trung các thông tin khác, bị cuốn theo các câu chuyện không cần thiết,… Bạn tưởng rằng những vấn đề này không tiêu tốn quá nhiều thời gian? Bạn sẽ phải ngạc nhiên khi cộng tổng các con số thời gian này lại.
* Chủ nghĩa hoàn hảo: quan tâm dành quá nhiều thời gian cho từng việc nhỏ, làm đi làm lại, sẵn sàng lùi kế hoạch,…

***Mẹo lập kế hoạch, quản lý thời gian***

**SMART**

* S (Specific): cụ thể. Xác định cụ thể mục đích muốn đạt được, việc muốn làm.
* M (Measurable): đánh giá. Đánh giá các mục tiêu, khả năng bản thân. Xây dựng kế hoạch với mốc thời gian, nội dung rõ ràng.
* A (Achivable): khả năng thành công. Lựa chọn mục tiêu, công việc phù hợp có khả năng thành công tránh phi thực tế.
* R (Relevant): phù hợp: Xem xét các mục tiêu trong toàn bộ kế hoạch có cần thiết, có khả thi không.
* T (Timed): thời gian. Xác định tổng thời gian, phân chia giai đoạn, kế hoạch bé hơn để thực hiện.

***Sắp xếp công việc theo mức độ***

* Cần thiết và khẩn cấp: công việc cần hoàn thành có hạn gần tới.
* Cần thiết nhưng không khẩn cấp: việc học tập, gia đình, bạn bè,…
* Không cần thiết nhưng khẩn cấp: những việc có thể nhờ sự hỗ trợ,…
* Không cần thiết và không khẩn cấp: mua sắm, đi chơi,….

Tùy vào mức độ cần thiết của công việc, chúng ta sẽ dành sự ưu tiên phù hợp.

***Thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch***

Ngay từ khi bắt tay vào thực hiện kế hoạch và trong suốt giai đoạn bạn cần nghiêm chỉnh thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Trì hoãn hay sai kế hoạch một ngày sẽ làm lệch hướng kế hoạch của bạn. Thực hiện sai kế hoạch dù chỉ một chút cũng là không nên bởi ảnh hưởng cả quá trình thực hiện và tâm lý về sau.

Tâm lý kế hoạch đã chậm, tiếp tục chậm. Tâm lý sai kế hoạch, bỏ ngang, không tiếp tục. Khả năng xuất hiện các suy nghĩ này rất cao khi kế hoạch của bạn bị lệch nhịp. Công việc một hôm bị chậm trễ sẽ làm một loại các công việc phía sau cũng ảnh hưởng.

Duy trì quyết tâm thực hiện đúng kế hoạch từ khi bắt đầu đến trong suốt quá trình cách tốt nhất để kế hoạch bạn đề ra chắc chắn thành công. Sẽ rất đáng tiếc với các kế hoạch bị bỏ dở, lãng phí thời gian và công sức bỏ ra.

***Điều chỉnh kế hoạch***

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, có những công việc bạn phát hiện không cần thiết. Một số điểm trong kế hoạch không hợp lý. Đừng ngại ngần điều chỉnh lại kế hoạch. Hành động tiếp tục duy trì sự bất hợp lý, không cần thiết chính là lãng phí thời gian của chính bản thân.

**3.** **Kết luận**

Quản lý thời gian là điều không thể thiếu với mỗi HS THPT để có thể cần bằng giữa việc học tập và cuộc sống. Mỗi bạn hãy tập trung vào những nhiệm vụ quan trọng nhất và bỏ qua những nhiệm vụ khẩn cấp nhưng không quan trọng. Hãy làm những công việc quan trọng và khó khăn vào thời gian mà bạn cảm thấy mình có nhiều năng lượng nhất trong ngày, tạo ra một bản lịch trình các công việc cần phải làm và bám sát vào nó khi làm việc. Chúng ta hãy nói “không” với thói quen trì hoãn. Quản lí thời gian hiệu quả nghĩa là bạn đã nắm được chìa khoá để mở cánh cửa dẫn đến thành công.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Một số tài liệu trên Internet.
2. **……..**

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 2**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Cách 1: Đề tự luận 100%**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 20 | 40 |
| **2** | Làm văn | 25 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 70 | 60 |
| **Tổng** | | **40** | **15** | **30** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu thơ Đường luật  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ của bài thơ.  - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung của bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung của bài thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ. | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Nghị luận về một bài thơ Đường luật | **Nhận biết**:  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ Đường luật.  **Thông hiểu**:  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Lí giải được một số đặc điểm tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  **Vận dụng**:  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, làm rõ vấn đề nghị luận.  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đóng góp của tác giả đối với văn học trung đại.  **Vận dụng cao**:  - So sánh với tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

**VỊNH KHOA THI HƯƠNG(\*)**

(Trần Tế Xương)

*Nhà nước ba năm mở hội khoa(1),*

*Trường Nam thì lẫn với trường Hà(2).*

*Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ(3),*

*Âm ọe quan trường miệng thét loa.*

*Lọng(4) cắm rợp trời quan sứ đến,*

*Váy lê quét đấy mụ đầm ra(5).*

*Nhân tài đất Bắc nào ai đó,*

*Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.*

(Thơ văn Trần Tế Xương, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

**Chú giải:**

**(\*)** *Vinh khoa thi Hương* có bản ghi *là Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu (*tức chỉ khoa thi Hương năm 1987)

1. *Nhà nước:* bộ máy quản lí quốc gia, ở đây chỉ triều đình phong kiến nhà Nguyễn*. Ba năm:* theo lệ thường dưới thời phong kiến, cứ ba năm có một khoa thi Hương.
2. *Trường Nam:* trường thi ở Nam Định*. Trường Hà:* trường thi ở Hà Nội. Đó là hai trường thi Hương ở Bắc Kì thời xưa. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội, trường thi Hà Nội bị bãi bỏ. Từ năm Bính Tuất (1886), các sĩ tử trường Hà Nội xuống thi chung ở trường thi Nam Định.
3. *Lọ:* lọ đựng nước uống (thí sinh làm bài ở trong lều cả ngày, phải mang theo đồ ăn, thức uống).
4. *Lọng:* có bản ghi là *cờ.*
5. *, (6)* Khoa thi Hương này có Toàn quyền Pháp ở Đông Dương là Pôn Đu-me (Paul Doumet) cùng vợ đến dự. Đây là cảnh đón rước Toàn quyền đến trường thi Nam Định tại làng Mĩ Trọng bấy giờ (nay thuộc thành phố Nam Định).

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của bài thơ.

**Câu 2.** Xác định thời gian và địa điểm tổ chức kì thi Hương được nhắc đến trong hai câu thơ đầu.

**Câu 3.** Nhận xét hình ảnh sĩ tử và quan trường trong hai câu thơ 3 và 4.

**Câu 4*.*** Qua 4 câu thơ đầu, anh/ chị có cảm nhận gì về cảnh thi cử lúc bấy giờ?

**Câu 5*.*** Chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của phép đối trong hai câu thơ 5 và 6:

*Lọng cắm rợp trời quan sứ đến,*

*Váy lê quét đấy mụ đầm ra.*

**Câu 6**. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) nêu suy nghĩ của bản thân về lời nhắn gửi của tác giả trong hai câu thơ cuối.

**PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật đã để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | * Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: Biểu cảm * Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật   ***Hướng dẫn chấm***: Trả lời đúng mối ý như đáp án: 0,25 điểm | 0,5 |
| **2** | - Thời gian tổ chức: 3 năm nhà nước tổ chức một kì Hương.  - Địa điểm tổ chức: tại trường thi Nam Định.  ***Hướng dẫn chấm***: Mỗi ý 0,25 điểm | 0,5 |
| **3** | Hình ảnh sĩ tử và quan trường trong hai câu thơ 3 và 4:  - Sĩ tử lôi thôi, luộm thuộm, nhếch nhác.  - Quan trường ậm ọe âm thanh ú ớ, nói không rõ tiếng, la lối hách dịch, vênh váo.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng 0,25 điểm* | 0,5 |
| **4** | - Cảnh trường thi hiện lên hết sức khôi hài khi "thí sinh" mất đi cái vẻ nho nhã trí thức của thuở nào thì giám thị, giám khảo cũng không còn cái dáng nghiêm trang đáng tôn kính nữa. - Cảnh thi hỗn tạp, nhố nhăng trong buổi đầu của chế độ thực dân và phong kiến Việt Nam, mà triều đình nhà Nguyễn chỉ còn là cái bóng mờ thảm hại đến buồn cười. ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0 ,75 điểm*  *- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm*  **-** *Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 0,75 |
| **5** | * Phép đối: *lọng cắm rợp trời - váy lê quét đất*;   *quan sứ đến - mụ đầm ra.*  - Hiệu quả nghệ thuật:  + Tác giả châm biếm mạnh mẽ hình ảnh quan sứ được đón tiếp trọng thể, mụ đầm ăn mặc diêm dúa, điệu đáng. Tất cả đều phô trương hình, hình thức.  + Đồng thời, gián tiếp bộc lộ nỗi niềm tủi nhục, chua xót của nhà thơ trước cảnh chướng tai gai mắt của những “ông Tây mụ đầm” trong hoàn cảnh mất nước.  + Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gây ấn tượng.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,75 điểm.*  *- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,5 điểm* | 0,75 |
|  | **6** | * Hình thức: Đảm bảo hình thức đoạn văn, hành văn trong sáng. * Nội dung*:* suy nghĩ của bản thân về lời nhắn gửi của tác giả trong 2 câu thơ cuối:   + Trước thực tại đất nước oái oăm nhục nhã, Tú Xương đã bật ra tiếng kêu than hướng đến những nhân tài đất Bắc – những người đang sống dưới chế độ thi cử hỗn tạp. Câu thơ là tiếng kêu đầy đau đớn của Tú Xương đối thoại với chính bản thân mình hay là một lời kêu gọi đến những ai còn nghĩ tới sự vinh nhục của đất nước, thức tỉnh những người trí thức đương thời về trách nhiệm với đất nước. Âm điệu câu thơ thể hiện sự xót xa, xốn xang của nhà thơ.  + Tâm sự của nhà thơ ở hai câu cuối cho thấy niềm trăn trở khôn nguôi của một người trí thức yêu nước nhưng bất lực trước thời cuộc. Lời nhắn nhủ của tác giả Tế Xương vẫn còn ý nghĩa thức tỉnh với chúng ta về trách nhiệm xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời đại mới.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề:0,25 điểm.*  *- Đưa ra được 2- 3 việc làm: 0,75 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **6,0** |
|  |  | **Viết bài văn trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  ***Hướng dẫn chấm****: Phần giới thiệu tác giả, giới thiệu tác phẩm: 0,25 điểm; giới thiệu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| ***\*Phân tích bài thơ:*** trích thơ rồi lần lượt phân tích những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…. trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để giúp người đọc cảm thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm – 3,0 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,5 điểm – 2,25 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 1,25 điểm.* | 3,0 |
| ***\*Nhận xét đánh giá bài thơ:***  + Đánh giá về nội dung, tư tưởng của bài thơ. (Nét đặc sắc về nội dung của bài thơ là gì? Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về nghệ thuật biểu hiện đặc sắc (Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về phong cách tác giả. (Qua bài thơ, em thấy tác giả là người như thế nào; có thể nói thêm những đặc điểm về phong cách nghệ thuật và đóng góp của nhà thơ trên văn đàn lúc bấy giờ).  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình cảm nhận, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Cách 2: Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu thơ Đường luật  (Ngoài SGK) | 3 | 0 | 4 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một bài thơ Đường luật | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu thơ Đường luật  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ của bài thơ.  - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung của bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung của bài thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Nghị luận về một bài thơ Đường luật | **Nhận biết**:  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ Đường luật.  **Thông hiểu**:  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Lí giải được một số đặc điểm tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  **Vận dụng**:  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, làm rõ vấn đề nghị luận.  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đóng góp của tác giả đối với văn học trung đại.  **Vận dụng cao**:  - So sánh với tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

***CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ***

(Bà Huyện Thanh Quan)

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.  
Gác mái, ngư ông(1) về viễn phố(2),  
Gõ sừng, mục tử(3) lại cô thôn(4).  
Ngàn mai(5) gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu(6) sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn trang đài(7) người lữ thứ(8),  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn(9)?*

(Nguồn: Trần Trung Viên*, Văn đàn bảo giám*, NXB Văn học, 2004)

**Chú thích:**

1. *Ngư ông:* ông già câu cá/ đánh cá
2. *Viễn phố:* nơi bến xa
3. *Mục tử:* đứa trẻ chăn trâu
4. *Cô thôn*: xóm lẻ trơ trọi
5. *Ngàn mai*: rừng mai
6. *Dặm liễu*: đường đi có trồng liễu ở hai bên
7. *Trang đài*: chốn trang điểm của người phụ nữ; ở đây dùng để chỉ người ở nhà chờ đợi.
8. *Người lữ thứ*: người ở quán trọ, dùng để chỉ người đi xa, không ở nhà.
9. *Hàn ôn*: lạnh và ấm, chỉ việc hai người gặp nhau hỏi trời lạnh và ấm thế nào, thường dùng với nghĩa tâm sự, kể lể, hỏi han.

**Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Lục bát

D. Tự do

**Câu 2**. Bài thơ sử dụng các phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm kết hợp tự sự

B. Nghị luận kết hợp biểu cảm

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

**Câu 3**. Từ nào sau đây không phải là từ Hán Việt trong bài thơ?

A. *viễn phố*

B. *mục tử*

C. *ngư ông*

D. *ngàn mai*

**Câu 4.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

A. Nhân hoá

B. Ẩn dụ

C. Đảo ngữ

D. Đối lập

**Câu 5.** Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói cảnh vật được miêu tả trong bài thơ?

A. Cảnh vật được miêu tả vào buổi chiều muộn nơi thôn quê.

B. Khung cảnh đẹp nhưng đượm buồn, cô đơn.

C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc

D. Cảnh vật mang hồn người, đậm đà bản sắc dân tộc.  
**Câu 6**: Dòng nào dưới đây nhận xét đúng về bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* (Bà HuyệnThanh Quan)?

A. Đây là bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán

B. Đây là bài thơ thất ngôn xen lục ngôn

C. Đây là bài thơ Đường luât tứ tuyệt viết bằng chữ Nôm.

D.Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Nôm

**Câu 7.** Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* là:

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình.

B. Hình ảnh thơ gợi cảm, giàu màu sắc; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị nhưng giàu sức biểu cảm, táo bạo, in đậm cá tinh sáng tạo của nữ sĩ.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ Hán Việt trong bài thơ.

**Câu 9.** Anh/chị có cảm nhận gì về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối?

*Kẻ chốn trang đàingười lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

**Câu10**. Qua bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương. (Trả lời khoảng 7 – 10 dòng)

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật đã để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 7** | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **B** | **D** | **D** | **C** | **C** | **D** | **C** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 3.5 |
| **8** | Các từ Hán Việt tạo sắc thái tạo sắc thái trang trọng, tao nhã,  tinh tế, tạo ra sắc thái cổ, phù hợp với xã hội xưa.  ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 0.5 |
| **9** | Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu cuối: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **6** | \*Đảm bảo hình thức đoạn văn.  \*Nội dung*:* ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương.  + Gắn bó với quê hương giúp hình thành sợi dây liên kết bền chặt giữa con người với quê hương.  + Gắn bó với quê hương giúp mỗi người có động lực sống và làm việc hết mình để xây dựng quê hương, trở thành niềm tự hào của quê hương.  + Tạo nên lối sống nghĩa tình, biết hướng về nguồn cội, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn mỗi người.  …  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1.0 |
|  |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
|  |  | **Viết bài văn trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật. | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  ***Hướng dẫn chấm****: Phần giới thiệu tác giả, giới thiệu tác phẩm: 0,25 điểm; giới thiệu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| ***\*Phân tích bài thơ:*** trích thơ rồi lần lượt phân tích những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…. trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để giúp người đọc cảm thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. | 1.5 |
| ***\*Nhận xét đánh giá bài thơ:***  + Đánh giá về nội dung, tư tưởng của bài thơ. (Nét đặc sắc về nội dung của bài thơ là gì? Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về nghệ thuật biểu hiện đặc sắc (Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về phong cách tác giả. (Qua bài thơ, em thấy tác giả là người như thế nào; có thể nói thêm những đặc điểm về phong cách nghệ thuật và đóng góp của nhà thơ trên văn đàn lúc bấy giờ). | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình cảm nhận, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.